

Tông huấn
LOAN BÁO TIN MỪNG

(EVANGELII NUNTIANDI)

ĐỨC THÁNH CHA PHAOLÔ VI

Gửi HÀNG GIÁM MỤC, GIÁO SĨ VÀ TÍN HỮU

trong GIÁO HỘI về vấn đề

PHÚC ÂM HOÁ TRONG THẾ GIỚI MỚI

Roma, ngày 08.12.1975

MỤC LỤC TỔNG QUÁT

Lời mở đầu

Chương I : Từ Đức Kitô rao giảng đến Giáo Hội rao giảng

Chương II : Phúc âm hóa là gì ?

Chương III : Nội dung của việc phúc âm hóa

Chương IV : Những đường lối của việc phúc âm hóa

Chương V : Đối tượng của việc phúc âm hóa

Chương VI : Những người rao giảng tin mừng

Chương VII : Tinh thần của việc rao giảng tin mừng

Chương VIII : Kết luận

LỜI MỞ ĐẦU

Phaolô VI, Giáo Hoàng gửi tới
Chư – huynh đáng kính và các con yêu dấu lời chào
và phép lành toà thánh.

Khuyến dụ đặc biệt về việc Phúc Âm hoá

1. Con người của thời đại chúng ta luôn tràn ngập hy vọng nhưng đồng thời lại bị dày vò vì sợ hãi và âu lo. Do đó nỗ lực loan báo Tin Mừng cho người thời đại chúng ta là một dịch vụ không những cho cộng đoàn Kitô hữu mà còn cho cả nhân loại nữa.

Vì vậy, nhiệm vụ củng cố anh em mà Ta đã nhận nơi Chúa với chức vụ kế vị Thánh Phêrô (Lc 12,22) và đối với Ta đó cũng là mối bận tâm (Cr 11,28) một chương trình sống và hành động, một sự dấn thân căn bản của chức vụ Ta, nhiệm vụ này còn cao quý và cần thiết hơn khi Ta khuyến khích anh em trong sứ mệnh của những kẻ rao giảng Tin Mừng, hầu trong thời đại biến đổi và hỗn loạn này, họ chu toàn sứ mệnh đó trong yêu mến, nhiệt thành và hân hoan ngày một hơn.

Nhân dịp ba biến cố

2. Đó là nhiệm vụ của Ta muốn chu toàn ở đây, vào cuối năm thánh này, năm mà Giáo Hội dồn mọi nỗ lực vào việc rao giảng Tin Mừng cho mọi người (Ad 9, n 1). Giáo Hội không mong gì khác hơn là chu toàn nhiệm vụ loan báo Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô, được công bố từ hai lần nhắc nhở căn bản “Hãy mặc lấy con người mới” (Ep 4,24) và “Hãy giao hoà cùng Thiên Chúa” (2 Cr 5,20).

Nhiệm vụ đó Ta cũng muốn thi hành dịp kỷ niệm 10 năm ngày bế mạc Công đồng Vaticanô II. Mục tiêu của công đồng này được cô đọng trong câu: Làm cho Giáo Hội của thế kỷ 20 trở nên thích hợp hơn trong việc loan báo Tin Mừng cho nhân loại của thế kỷ hai mươi.

Ta cũng muốn chu toàn nhiệm vụ đó nhân dịp một năm sau kỷ đại hội lần thứ ba của Thượng Hội Đồng Giám Mục, một đại hội mà ai cũng biết được dành riêng cho việc Phúc Âm hoá. Hơn nữa đó cũng là điều mà chính các Nghị Phụ đã xin cùng Ta. Thật vậy, khi

kết thúc cuộc đại hội đáng nhớ này, với nhiều tin và đơn thành, các Nghị Phụ đã quyết định trao lại cho vị chủ chăn Giáo Hội toàn cầu tất cả kết quả những công lao khó nhọc của mình, đồng thời các Ngài mong chờ Giáo Hoàng đề ra một đường hướng mới khả dĩ tạo nên một thời đại Phúc Âm hoá trong một Giáo Hội được bén rễ sâu hơn nữa nơi sức mạnh và quyền năng bất diệt của lễ hiến xuống.

Chủ đề thường được nhấn mạnh trong triều đại ta

3. Trước kỳ Thượng Hội Đồng Giám Mục, Ta đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ đề Phúc âm hoá này, Ta đã trình bày trước Hồng Y đoàn ngày 22.06.1973 rằng : “Những điều kiện xã hội buộc tất cả chúng ta phải xét lại những phương pháp, phải tìm tòi bằng mọi cách, để làm sao đem sứ điệp Kitô Giáo đến cho con người ngày nay. Qua sứ điệp này, họ có thể tìm thấy sức mạnh để dân thân trong tình liên đới nhân loại. Và ta thêm rằng muốn đáp lại hữu hiệu những đòi hỏi của Công Đồng, chúng ta phải tuyệt đối đặt mình trước di sản đức tin mà Giáo Hội có bổn phận phải gìn giữ cho tinh tuyền, nhưng đồng thời

Giáo Hội cũng có bốn phần trình bày di sản này cho người thời đại một cách hết sức dễ hiểu và dễ nhận.

Theo chiều hướng của Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1974

4. Trung thành với sứ điệp mà chúng ta đang phục vụ và trung thành với những người mà chúng ta có bốn phần truyền đạt sứ điệp đó cách nguyên vẹn và sống động, đó là việc trọng tâm của việc Phúc âm hoá. Từ đó đặt ra ba vấn nạn nóng bỏng mà Thượng Hội Đồng Giám Mục 1974 đã luôn thấy trước mắt.

- Sức mạnh tiềm ẩn của Tin Mừng vốn có khả năng đánh động sâu xa lương tâm con người, còn có tác động trong thời đại chúng ta không?

- Sức mạnh của Tin Mừng có khả năng biến đổi thực sự con người thời đại này đến mức nào và như thế nào?

- Phải loan truyền Tin Mừng theo những phương pháp nào cho có hiệu quả?

Quả thật những câu hỏi này làm sáng tỏ vấn nạn căn bản mà ngày nay Giáo Hội đặt ra, và được diễn tả như sau: nếu Công Đồng là giờ của Thiên Chúa đối với Giáo Hội, trong khúc quanh lịch sử này, thì sau Công Đồng và nhờ Công Đồng, Giáo Hội có nhận thấy mình có đủ sức hơn để loan Tin Mừng và đem Tin Mừng cho con người cách xác tín, tự nguyện và hiệu lực không ?

Mời gọi suy nghĩ

5. Tất cả chúng ta đều thấy phải trả lời ngay cho vấn nạn này một cách trung thực, khiêm tốn, can đảm và phải hành động cho phù hợp.

Vì bận tâm đối với Giáo Hội (2 Cr 11,28) Ta muốn giúp đỡ chư huynh và các con trả lời những vấn nạn này. Từ nguồn phong phú của Thượng Hội Đồng ước chi lời nói của Ta là một suy nghĩ về việc Phúc âm hóa, một lời mời toàn thể dân Chúa cùng suy nghĩ và là một đà tiến mới cho tất cả, đặc biệt cho những người đang vất vả giảng lời và dạy dỗ (1 Tm 5,17) để họ có thể là người phân phát trung thành lời chân thật

(2 Tm 2,15), thực hiện vai trò rao giảng Tin Mừng và chu toàn chức vụ.

Ta coi đây là một Tông Huấn quan trọng, vì đối với Giáo Hội việc trình bày sứ điệp Tin Mừng không phải là một sự đóng góp tùy hứng : Đó chính là bổn phận đòi buộc Giáo Hội, do Chúa Giêsu truyền lại, để nhân loại có thể tin và được cứu thoát. Thực thể, sứ điệp Tin Mừng thật cần thiết, duy nhất mà không gì có thể thay thế được. Sứ điệp Tin Mừng không chấp nhận sự lãnh đạm, sự dung hợp và một thêm bớt nào. Vì chính đây là vấn đề cứu rỗi của con người. Chính nó thể hiện vẻ đẹp của mạc khải. Nó mang sự khôn ngoan không thuộc về thế gian này. Tự nó có thể khơi dậy đức tin, một đức tin dựa trên quyền năng của Thiên Chúa (1 Cr 2,5). Nó là chân lý. Nó đáng cho người tông đồ hy sinh thời giờ, nghị lực và nếu cần cả sự sống mình.

Chương I

TỪ ĐỨC KITÔ RAO GIẢNG ĐẾN GIÁO HỘI RAO GIẢNG

Lời chứng và sứ mệnh của Chúa Giêsu

6. Chứng từ của Chúa Kitô về chính mình đã được Thánh Luca ghi lại trong phúc âm của Ngài “Ta phải loan báo Tin Mừng nước Thiên Chúa” (Lc 4,43) chắc chắn có một tầm quan trọng lớn lao, vì lời đó đủ xác định được sứ mệnh của Chúa Giêsu “Chính vì thế mà Ta đã được sai đến”. Chúng ta chỉ hiểu được hết ý nghĩa của những câu trên nếu đối chiếu với những lời của tiên tri Isaia mà Đức Kitô vừa áp dụng cho chính Ngài “Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, bởi vì Ngài đã xức dầu hiến thánh tôi, Ngài sai tôi đem Tin Mừng đến với những người nghèo khó” (Lc 4,18); (Is 61,1)

Rảo khắp thành này đến thành nọ, công bố tin vui về việc hoàn tất những lời hứa và giao ước của Thiên Chúa, đặc biệt cho những người nghèo khó nhất, cũng thường là những người đón tiếp nồng hậu nhất, đó là sứ mệnh mà Đức Kitô tự nhận mình được Chúa Cha sai đến để thực hiện. Và tất cả những khía cạnh của mầu nhiệm của Ngài : Việc nhập thể, các phép lạ, giảng dạy, chiêu tập các môn đệ, sai 12 Tông đồ, khổ giá và sống lại, sự hiện diện thường xuyên giữa các

môn đồ của Ngài, tất cả đều nằm trong hoạt động rao giảng Tin Mừng của Ngài.

Chúa Giêsu Nhà rao giảng Tin Mừng đầu tiên

7. Nhiều lần, trong kỳ họp Thượng Hội Đồng các Giám Mục đã nhắc đến chân lý này: Chính Chúa Giêsu, Tin Mừng của Thiên Chúa (Mc 1,1) là nhà rao giảng Tin Mừng đầu tiên và vĩ đại nhất. Ngài đã rao giảng đến cùng : nghĩa là đến mức hoàn hảo, đến hy sinh cả cuộc sống dương thế của Ngài.

Rao giảng Tin Mừng: đối với Đức Kitô mệnh lệnh này có ý nghĩa gì? Chắc chắn không dễ gì trình bày đầy đủ ý nghĩa, nội dung, phương pháp Phúc âm hoá như Chúa Giêsu đã quan niệm và thực hiện. Và lại, không ai có thể làm được công việc đó được. Vậy Ta chỉ nhắc lại vài khía cạnh chính yếu.

Loan báo Nước Thiên Chúa

8. Là nhà rao giảng Tin Mừng, trước hết Đức Kitô loan báo một Triều đại, đó là triều đại của Thiên Chúa, Triều đại này quan trọng đến nỗi, sánh

với nó thì tất cả những cái khác sẽ trở thành “phụ thuộc” và được “ban thêm cho” (Mt 6,33). Như vậy chỉ có triều đại này mới là tuyệt đối và nó tương-đối-hoá tất cả những điều khác.

Dưới nhiều hình thức khác nhau, Đức Kitô thích diễn tả hạnh phúc được làm công dân của triều đại này, một hạnh phúc nghịch thường xây dựng trên chính những gì thế gian chê bỏ (Mt 5, 3-12). Đức Kitô cũng nói đến những đòi hỏi và Hiến chương của Triều đại, những sứ giả, những mẫu nhiệm, những con cái của Triều đại, sự tỉnh thức và trung tín mà Ngài đòi hỏi nơi bất cứ ai trông chờ ngày Ngài lại đến.

Loan báo ơn cứu độ giải thoát

9. Đức Kitô loan báo ơn cứu độ như là nòng cốt và trung tâm của Tin Mừng. Ôn cứu độ là hồng ân lớn lao của Chúa giải thoát họ khỏi mọi áp bức, nhất là giải thoát họ khỏi tội lỗi và thần dữ, trong niềm vui nhận biết Thiên Chúa và được Ngài biết tới, được thấy Ngài, được hiến dâng cho Ngài. Ôn cứu độ được khởi sự suốt đời Đức Kitô và được hoàn tất qua cái chết và sự Phục sinh của Ngài, nhưng ơn này phải

kiên trì đi qua dòng lịch sử để được thực hiện cách viên mãn trong ngày Đức Kitô lại đến, ngày mà không ai biết, trừ Chúa Cha (Mt 24,36).

Phải chiếm lấy nước trời bằng một nỗ lực cam go

10. Triều đại và ơn cứu độ là những từ ngữ chủ yếu trong việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Con người có thể đón nhận triều đại và ơn này như ân sủng và tình thương, tuy nhiên mỗi người cũng phải chiếm đoạt chúng bằng sức mạnh như Chúa đã nói : Chúng thuộc về kẻ mạnh (Mt 11,12), bằng khó nhọc và đau khổ, bằng đời sống Phúc Âm, bằng sự từ bỏ và vác thập giá, bằng tinh thần các mối Phúc thật. Nhưng trước hết mỗi người chiếm lấy chúng bằng sự biến đổi hoàn toàn nội tâm như Phúc Âm diễn tả qua từ ngữ “METANOIA” nghĩa là sự trở lại tự căn bản, sự thay đổi sâu xa về cách nhìn và cách sống (Mt 4,17).

Đức Kitô rao giảng không ngừng

11. Đức Kitô công bố Nước Thiên Chúa qua việc rao giảng không ngừng về lời mà người ta nói rằng chưa từng nghe thấy ở đâu như vậy: “Thật là giáo huấn

mới, dạy như kẻ có quyền” (Mc 1,27) “Và mọi người làm chứng cho Ngài, và họ thán phục các lời đầy ân sủng xuất bởi miệng Ngài” (Lc 4,22), “Không bao giờ đã có ai nói năng như ông ấy” (Ga 7,46). Những Lời của Ngài mạc khải những bí ẩn nơi Thiên Chúa, kế hoạch và lời hứa của Người và do đó thay đổi tâm trạng và số phận con người.

Những dấu chỉ của Tin Mừng

12. Nhưng Chúa Giêsu còn thực hiện lời công bố này bằng vô số dấu chỉ khiến quần chúng phải kinh ngạc và đồng thời lôi kéo họ đến với Ngài để xem Ngài, nghe Ngài và để được Ngài biến đổi: chữa lành bệnh nhân, biến nước thành rượu, bánh hóa nhiều, kẻ chết sống lại. Và trong số đó, có một dấu chỉ mà Chúa Giêsu xem là quan trọng nhất: Là những kẻ bé mọn, những kẻ nghèo khó được rao giảng Tin mừng, trở nên môn đệ Ngài, “nhân danh Ngài” tụ họp thành cộng đoàn những kẻ tin Ngài. Vì Đức Giêsu, Đấng đã tuyên bố: “Ta phải loan báo Tin mừng Nước Thiên Chúa” (Lc 4,43) cũng chính là Đức Giêsu mà Gioan Thánh sử nói rằng Ngài đã đến và phải chết” để thu hợp con cái Thiên Chúa tản mác về lại làm một” (Ga

11,52). Như vậy Đức Kitô hoàn tất mạc khải, nghĩa là Ngài bổ túc và củng cố mạc khải bằng cách tỏ mình, bằng lời nói và việc làm, bằng những dấu chỉ và phép lạ, nhất là bằng cái chết và sống lại và việc sai phái Thần Chân lý đến.

Cộng đoàn tiếp nhận và rao giảng Tin Mừng

13. Những kẻ thành tâm đón nhận Tin Mừng, sẽ vì việc đón nhận đó và nhờ chia sẻ đức tin mà tụ họp lại nhân danh Chúa Giêsu để cùng nhau tìm kiếm nước trời, rồi xây dựng và sống cho nước đó. Họ tạo thành một cộng đoàn, và chính cộng đoàn này cũng sẽ loan báo Tin Mừng. Lệnh truyền cho 12 tông đồ: “Hãy đi! Hãy rao giảng Tin Mừng” cũng có giá trị đối với các tín hữu tuy theo một nghĩa khác nhau. Chính vì thế mà Phêrô gọi các tín hữu là “Một dân tuyển chọn để loan báo những kỳ công của Thiên Chúa” (1P 2,9), những kỳ công mà mỗi người đã có thể lắng nghe bằng ngôn ngữ riêng mình (Cvtd 2,11). Ngoài ra, tin mừng về nước trời đang đến và đã bắt đầu là Tin mừng cho mọi người thuộc mọi thời đại. Kẻ nào đón nhận Tin Mừng, kẻ nào được Tin Mừng quy tụ vào

cộng đoàn cứu rồi, kẻ ấy có thể và phải chuyên đạt và truyền bá Tin Mừng.

Loan báo Tin Mừng là ơn gọi riêng của Giáo Hội

14. Giáo Hội biết và ý thức rõ rệt rằng lời của Đấng Cứu Thế – “Ta phải loan truyền Tin Mừng Nước Thiên Chúa” (Lc 4,43) – áp dụng thực sự cho chính mình. Giáo Hội đồng thanh với thánh Phaolô rằng “Đối với tôi, rao giảng Tin Mừng không phải là một tước hiệu danh dự, đó là một bổn phận. Khôn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!” (1Cr 9,16). Vào cuối kỳ Đại Hội tháng 10 năm 1974, Ta vui mừng cảm kích khi nghe những lời sáng chói này “Chúng tôi muốn xác định một lần nữa rằng nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng cho mọi người là sứ mệnh chính yếu của Giáo Hội”. Những biến chuyển sâu rộng của xã hội hiện tại chỉ làm cho nhiệm vụ và sứ mệnh cấp bách hơn – Thực vậy, rao giảng Tin Mừng là ơn huệ và ơn gọi riêng của Giáo Hội, là chân tính sâu xa nhất của Giáo Hội. Giáo Hội hiện hữu để rao giảng Tin Mừng nghĩa là để rao giảng và dạy dỗ, là máng thông ơn thánh, giải hòa tội nhân với Thiên Chúa, tiếp tục

hy lễ của Chúa Kitô trong Thánh lễ, để tưởng niệm cái chết và phục sinh vinh hiển của Ngài.

Tương quan giữa Giáo Hội và việc loan báo Tin Mừng

15. Bất cứ ai đọc lại trong Tân Ước về buổi sơ khai của Giáo Hội, theo dõi từng bước lịch sử của Giáo Hội và xem Giáo Hội sống và hoạt động thì đều thấy rằng Giáo Hội gắn liền với việc loan báo Tin Mừng cách mật thiết.

à Giáo Hội khai sinh từ công cuộc rao giảng của Đức Kitô và mười hai tông đồ. Giáo Hội là kết quả tất nhiên, trực tiếp nhất và dễ thấy nhất của công cuộc đó: “Vậy các ngươi hãy đi thu nạp môn đồ ở khắp muôn dân” (Mt 28,19). Cho nên, những người đón nhận lời Chúa thì được chịu phép rửa và khoảng ba ngàn người đã đến với các Ngài. Và mỗi ngày Chúa tăng thêm số những người đón nhận ơn cứu độ (Cvtd 2,41-47).

à Được khai sinh do việc rao giảng, Giáo Hội đến lượt mình cũng được Đức Kitô sai đi. Giáo Hội ở lại trần

gian khi Chúa vinh hiển về cùng Chúa Cha. Giáo Hội ở lại như một dấu chỉ vừa mờ vừa sáng của sự hiện diện mới của Đức Kitô, nghĩa là dấu chỉ của sự ra đi và ở lại thương xuyên của Ngài. Giáo hội nối dài và tiếp tục sự hiện diện của Đức Kitô. Nhưng tiên vãn, Giáo Hội được kêu gọi tiếp tục sứ mệnh và vai trò rao giảng Tin Mừng của Đức Kitô. Vì cộng đoàn các tín hữu không bao giờ khép kín. Nơi cộng đoàn này đời sống nội tâm : như cầu nguyện nghe lời Chúa, và lời giảng dạy của các tông đồ, sống bác ái huynh đệ, bẻ bánh (Tđcv 2,42-46). Chỉ có trọn đủ ý nghĩa khi cộng đoàn trở thành chứng tá, khơi dậy lòng thán phục và sự trở lại trở thành lời rao giảng Tin Mừng và loan báo Tin Mừng. Do đó, chính toàn thể Giáo Hội lãnh nhận sứ mệnh rao giảng Tin Mừng và phận sự của mỗi người là quan trọng đối với tất cả công cuộc.

à Có sứ mệnh rao giảng Tin Mừng, Giáo Hội khởi sự Phúc âm hóa chính mình. Là cộng đoàn những kẻ tin, là cộng đoàn sống và chuyển thông niềm cậy trông, là cộng đoàn tình yêu huynh đệ, Giáo Hội cần phải lắng nghe luôn điều mình phải tin, những lý do để trông cậy, điều răn mới của tình yêu. Là dân Chúa sống giữa thế gian và thường bị các thần tượng cám dỗ,

Giáo Hội cần được nghe công bố những kỳ công của Thiên Chúa (Tđcv 2,11), bởi vì chính những kỳ công đó đưa cộng đoàn trở về cùng Chúa. Giáo Hội cần được Thiên Chúa kêu gọi và quy tụ luôn luôn. Tóm lại, Giáo Hội luôn luôn cần được Phúc âm hoá nếu muốn giữ được vẻ tươi mát, sinh khí và sức mạnh để loan báo Tin Mừng. Công Đồng Vatican II đã nhắc lại và Thượng Hội Đồng Giám Mục 1974 đã mạnh mẽ lập lại chủ đề này, là Giáo Hội phải Phúc Âm hóa chính mình bằng sự trở lại và đổi mới liên tục để thế giới dễ chấp nhận Tin Mừng.

à Giáo Hội gìn giữ kho tàng Tin Mừng mà mình phải loan báo. Những lời hứa Tân Ước nơi Đức Giêsu Kitô, sự giáo huấn của Chúa và các Tông đồ, Lời hằng sống, những nguồn ơn sủng và lòng lành của Chúa, con đường cứu rỗi, tất cả được ủy thác cho Giáo Hội. Đó là nội dung của Tin Mừng và cũng là nội dung của việc Phúc âm hóa, mà Giáo Hội gìn giữ như một kho tàng sống động và quý giá, không phải để dấu kín nhưng để truyền đạt.

à Và đã được sai đi và đã được Phúc Âm hóa, nên chính Giáo Hội lại sai phái những kẻ loan truyền Tin

Mừng. Giáo Hội đặt nơi miệng họ lời cứu rỗi, Giáo Hội giải thích cho họ sứ điệp mà chính Giáo Hội gìn giữ, Giáo Hội ban cho họ quyền mà Giáo Hội đã lãnh nhận và sai họ đi rao giảng. Rao giảng không phải con người hay tư tưởng cá nhân của họ (2Cr 4,5), nhưng rao giảng Tin Mừng mà cả họ lẫn cả Giáo Hội không phải là chủ quyền tuyệt đối để sử dụng tùy ý, nhưng là thừa tác viên để loan truyền một cách hết sức trung thành.

Không thể tách rời Giáo Hội khỏi Chúa Kitô

16. Như thế giữa Đức Kitô, Giáo Hội và việc Phúc âm hóa có một mối liên hệ sâu xa. Trong “Thời của Giáo Hội này” chính Giáo Hội có bổn phận rao giảng Tin Mừng. Bổn phận không thể hoàn tất mà không có Giáo Hội, càng không thể hoàn tất nếu chống lại Giáo Hội.

Nhắc lại điều trên vào giữa lúc này là một điều thích hợp, bởi vì Ta đau buồn nghe thấy những người dù có lẽ đầy thiện chí, nhưng tư tưởng của họ chắc chắn sai lạc, khi họ lặp đi lặp lại rằng họ muốn yêu mến Đức Kitô mà không cần Giáo Hội, muốn nghe Đức Kitô

nhưng không nghe Giáo Hội, muốn thuộc về Đức Kitô nhưng lại ở ngoài Giáo Hội. Tách biệt Đức Kitô và Giáo Hội như thế là một điều phi lý, đã bị Phúc Âm kết án một cách rõ ràng: “Ai bác bỏ các con là bác bỏ Ta” (Lc 10,16). Và muốn yêu mến Đức Kitô mà không yêu mến Giáo Hội thế nào được khi thánh Phaolô làm chứng về Đức Kitô một cách tốt đẹp như sau: “Ngài đã yêu mến Giáo Hội và phó mình vì Giáo Hội” (Ep 5,25).

Chương II

PHÚC ÂM HÓA LÀ GÌ ?

Tính cách phức tạp của hoạt động Phúc Âm hóa

17. Trong hoạt động Phúc Âm hóa của Giáo Hội, chắc chắn có nhiều yếu tố và nhiều khía cạnh cần chú ý đến. Một số yếu tố quan trọng đến nỗi người ta có khuynh hướng đồng hóa chúng với chính việc Phúc Âm hóa. Chẳng hạn có người đã định nghĩa Phúc Âm hóa là loan báo Đức Kitô cho những ai chưa biết Ngài, là giảng dạy giáo lý, là rửa tội và ban các bí tích khác.

Không có một định nghĩa phiến diện nào có thể lột hết được thực tại phong phú phức tạp và sống động như việc Phúc Âm hóa. Định nghĩa như thế có nguy cơ làm phương hại và làm cho thực tại đó trở nên nghèo nàn. Không thể thấu hiểu được việc Phúc Âm hóa nếu người ta không nhìn thấy bao quát tất cả những yếu tố chính yếu của nó.

Những yếu tố này được nhấn mạnh trong suốt kỳ họp của Thượng Hội Đồng Giám Mục, và trong lúc này dưới ảnh hưởng của Đại Hội Đồng, người ta vẫn còn đào sâu những yếu tố này. Ta vui mừng vì những yếu tố đó tự căn bản vẫn nằm trong chiều hướng của những gì mà Công Đồng Vatican II đã truyền lại cho chúng ta, nhất là trong Hiến Chế Lumen Gentium Gaudium et Spes và trong sắc lệnh Ad Gentes.

Đổi mới nhân loại

18. Đối với Giáo Hội, Phúc Âm hóa là đem Tin Mừng vào trong mọi cảnh vực nhân loại và nhờ sự tiếp xúc này làm thay đổi tự bên trong, đổi mới chính nhân loại : “Này đây Ta tạo dựng một vũ trụ mới” (Ap 21,5). Nhưng không có nhân loại mới, nếu trước tiên không có con người mới, không có sự sống mới nhờ phép Rửa tội (Rm 6,4) và do đời sống theo Tin Mừng (Ep 4, 23-24). Vậy mục đích của việc Phúc Âm hóa chính là sự thay đổi nội tâm đó, và nếu phải diễn tả một cách vắn tắt, thì ta có thể nói một cách đúng đắn rằng Giáo Hội Phúc Âm hóa, khi chỉ nhờ sức mạnh thần linh của sứ điệp mà Giáo Hội công bố (Rm 1,16), Giáo Hội tìm cách hoán cải cùng lúc lương tâm

cá nhân và tập thể của con người, hoán cải sinh hoạt mà con người đang dần thân, hoán cải đời sống và hoàn cảnh cụ thể của họ.

Và đổi mới cảnh vực sống của nhân loại

19. Những cảnh vực sống của nhân loại đang biến đổi, cho nên, đối với Giáo Hội, vấn đề không phải chỉ là rao giảng Tin Mừng nơi những vùng địa dư càng ngày càng mở rộng hoặc cho những nhóm dân ngày càng đông, nhưng phải ảnh hưởng tới, và nếu cần dùng sức mạnh của Tin Mừng mà đảo lộn những tiêu chuẩn phán đoán, những giá trị nhân đạo, những bận tâm chính yếu, những trào lưu tư tưởng, những nguồn cảm hứng, những mẫu mực sống của nhân loại, khi những điều ấy ngược lại với Lời Chúa và chương trình cứu độ.

Phúc Âm hóa những nền văn hóa

20. Ta có thể diễn tả tất cả những điều ấy như sau: “Cần phải Phúc Âm hóa văn hóa và những nền văn hóa của con người hiểu theo nghĩa phong phú và rộng rãi như trong Gaudium et Spes (53) nghĩa là đi từ con

người và lại quy về những tương quan giữa con người với người và người với Thiên Chúa. Như thế Phúc Âm hóa các nền văn hóa phải được thực hiện một cách sống động sâu xa cho tới tận gốc rễ, chứ không theo một cách trang trí như lớp sơn bóng ngoài mặt.

Tin Mừng và tất cả việc Phúc Âm hóa nữa chắc chắn không đồng hóa với văn hóa và độc lập đối với tất cả các nền văn hóa. Tuy nhiên, vương quốc mà Tin Mừng loan báo được tiếp cận do những con người gắn liền với một nền văn hóa, và việc xây dựng Nước Trời không thể vay mượn những yếu tố văn hóa. Tin Mừng và Phúc Âm hóa không nhất thiết phải xung khắc với chúng, nhưng lại có thể xâm nhập vào tất cả mà không lệ thuộc vào nền văn hóa nào.

Sự ly khai giữa Tin Mừng và văn hóa quả là một thảm trạng của thời đại chúng ta cũng như của những thời đại trước. Như vậy phải dồn mọi nỗ lực để tiến tới sự Phúc Âm hóa một cách rộng rãi, đúng hơn phải Phúc Âm hóa mọi nền văn hóa. Chúng phải được cải hóa nhờ tiếp xúc với Tin Mừng, nhưng sẽ không có tiếp xúc nếu Tin Mừng không được công bố.

Sự quan phòng bậc nhất của đời sống chúng ta

21. Trước tiên Tin Mừng phải được công bố bằng chứng tá. Chẳng hạn giữa cộng đoàn nhân loại mà họ đang sống, một Kitô hữu hay một nhóm Kitô hữu, biểu lộ khả năng cảm thông và đón nhận, chia sẻ đời sống và số phận với những người khác, tỏ tình liên đới trong những nỗ lực chung nhằm đạt được những gì là cao quý và tốt đẹp nhất. Hoặc là, một cách thực đơn giản và tự nhiên, họ chiếu tỏa niềm tin của mình nơi những giá trị vượt xa những giá trị thông thường, niềm trông cậy vào điều mà người khác không thấy và có lẽ không dám mơ tưởng tới. Nhờ chứng tá không lời này, Kitô hữu gợi lên những vấn nạn bất khả kháng trong tâm hồn những kẻ trông thấy họ sống: Tại sao họ là những người như thế? Tại sao họ sống như vậy? Cái gì hoặc ai đã thôi thúc họ? Tại sao họ ở giữa chúng ta? Một chứng tá như vậy đã là sự công bố Tin Mừng tuy thâm lặng nhưng rất mãnh liệt và hiệu nghiệm. Đó là động tác khai mào của việc Phúc Âm hóa. Đó có thể là những vấn nạn đầu tiên mà nhiều người không thật sự là Kitô hữu đặt ra, họ là những người chưa bao giờ được nghe nói về Đức Kitô, họ là những người đã chịu phép rửa nhưng

không hành đạo, họ là những người sống trong cộng đoàn Kitô hữu nhưng lại không hề theo những nguyên tắc Kitô giáo, hoặc là những vất vả tìm kiếm một cái gì hay một Đấng nào đó mà họ đoán là có, nhưng không thể biết tên là gì. Rồi sẽ có những vấn nạn khác sâu xa hơn, đòi hỏi hơn, phát sinh từ chứng tá ấy, một chứng tá bao gồm sự hiện diện, sự chia sẻ, tình liên đới. Chứng tá đó là một yếu tố chính yếu, tiên quyết của việc Phúc Âm hóa.

Mọi Kitô hữu đều được kêu gọi sống chứng tá đó và như thế họ có thể là những người rao giảng Tin Mừng đích thực. Ta đặc biệt nghĩ đến trách nhiệm của những người di cư trong những xứ tiếp nhận họ.

Cần phải loan báo công khai

22. Tuy nhiên chúng ta không chưa đủ, vì chứng tá cho dù đẹp đẽ nhất sẽ trở nên vô hiệu theo thời gian, nếu nó không được soi sáng, biện minh, nghĩa là theo thánh Phêrô “đưa ra những lý lẽ cây trơng” (1P 3,15) và nếu nó không được diễn đạt bằng một sự loan báo rõ ràng, không mập mờ về Đức Kitô. Tin Mừng đã được công bố nhờ chứng tá đời sống, sớm muộn phải

được công bố bằng Lời hằng sống. Không có Phúc âm hóa thật nếu danh thánh, lời giảng dạy, đời sống, lời hứa, vương quốc và mầu nhiệm của Đức Giêsu Nazarét không được công bố.

Lịch sử Giáo Hội, từ bài diễn văn của thánh Phêrô sáng ngày lễ Hiện xuống, gắn liền và đồng hóa với lịch sử của việc công bố này. Vào mỗi giai đoạn mới của lịch sử nhân loại, Giáo Hội hằng mong muốn rao giảng Tin Mừng, nên chỉ có một mối bận tâm là: Sai ai đi loan báo mầu nhiệm Đức Kitô? Dùng ngôn ngữ nào để loan truyền mầu nhiệm này? Làm thế nào để mầu nhiệm này vang động và đi tới tai người nghe? Việc loan báo này – nghĩa là loan truyền (Kerigme), giảng dạy, hay huấn giáo (Catéchèse) chiếm một vị trí quan trọng đến nỗi nó trở nên đồng nghĩa với việc Phúc Âm hóa. Tuy nhiên nó chỉ là một khía cạnh của việc Phúc Âm hóa mà thôi.

Đời sống mới

23. Thực vậy, sự loan báo chỉ đạt tới mọi chiều kích của nó khi nó được nghe, được đón nhận, được sống và khi nó khơi dậy sự gắn bó sâu xa nơi kẻ lãnh nhận.

Gắn bó với những chân lý mà do lòng nhân từ Chúa đã mạc khải đã dành. Nhưng hơn nữa, còn phải gắn bó với chương trình sống, một cuộc sống từ nay đã thay đổi, mà Chúa đề nghị. Tắt một lời, gắn bó với Nước Trời, nghĩa là với thế giới mới, với một tình trạng mới, với một cách hiện hữu mới, với cách sống mới, với cách chung sống mới, mà Tin Mừng khai mở. Một sự gắn bó như thế không thể trừu tượng và ngoại thể (*désincarnée*), nhưng phải được bày tỏ qua sự gia nhập cụ thể, thấy được, vào một cộng đoàn tín hữu. Như vậy những kẻ đã biến đổi đời sống có thể gia nhập vào một cộng đoàn, cộng đoàn này lại là một dấu chỉ biến đổi, một dấu chỉ đời sống mới: Đó chính là Giáo Hội, bí tích hữu hình của ơn cứu độ (LG 17). Nhưng sau đó, chính sự gia nhập cộng đoàn Giáo Hội cũng sẽ được diễn tả qua nhiều dấu chỉ khác nữa, chúng kéo dài và biểu dương dấu chỉ Giáo Hội. Nhờ động lực của việc Phúc Âm hóa, kẻ tiếp nhận Tin Mừng như lời giải thoát (Rm 1,16), tất nhiên sẽ thể hiện Tin Mừng qua những cử chỉ này: Gắn bó với Giáo Hội, lãnh nhận những bí tích, là những phương thế ban ơn sung giúp bày tỏ và nâng đỡ sự gắn bó này.

Phúc Âm hóa dẫn đến hoạt động tông đồ

24. Sau cùng chính kẻ được Phúc Âm hóa lại đến phiên mình rao giảng Tin Mừng. Đó là sự trắc nghiệm chân lý, là đá thử vàng của việc Phúc Âm hóa : không thể hiểu được một người đã tiếp nhận Lời và đã tự hiến cho vương quốc mà lại không trở nên chứng nhân và người rao giảng.

Để kết thúc những nhận định về ý nghĩa của việc Phúc Âm hóa, cần phải đưa ra một nhận xét cuối cùng mà Ta hy vọng có thể soi sáng cho những suy tư ở phần sau :

Phúc Âm hóa, như Ta đã nói, là một diễn tiến phức tạp gồm nhiều yếu tố: Canh tân nhân loại, làm chứng loan báo công khai, làm việc tông đồ. Những yếu tố này có vẻ đối lập nhau. Thực ra chúng bổ túc và làm giàu cho nhau. Luôn luôn phải nhìn chúng trong sự liên hiệp với những cái khác. Thượng Hội Đồng vừa qua có giá trị ở chỗ kiên trì mời gọi chúng ta tổng hợp những yếu tố này hơn là để chúng đối lập nhau, để có thể thấu hiểu về hoạt động rao giảng Tin Mừng của Giáo Hội.

Giờ đây Ta muốn trình bày cái nhìn bao quát ấy bằng cách khảo sát nội dung của việc Phúc Âm hóa và các phương thể rao giảng, bằng cách xác định phải rao giảng Tin Mừng cho ai, và ngày nay ai có bổn phận rao giảng.

Chương III

NỘI DUNG CỦA VIỆC PHÚC ÂM HÓA

Nội dung chính yếu và những yếu tố phụ thuộc

25. Trong sứ điệp mà Giáo Hội loan báo chắc chắn có nhiều yếu tố phụ thuộc. Việc trình bày chúng tùy thuộc rất nhiều vào những hoàn cảnh đang biến đổi. Chúng cũng thay đổi. Nhưng có một nội dung chính yếu, một bản chất sống động mà người ta không thể sửa đổi, không thể im lặng bỏ qua mà không phương hại trầm trọng đến bản chất của chính việc Phúc Âm hóa.

Chứng tá về tình yêu Chúa Cha

26. Không phải là thừa khi nhắc lại điều này: Rao giảng Tin Mừng, trước hết là làm chứng, một cách giản dị và trực tiếp về Thiên Chúa đã được Đức Giêsu Kitô mạc khải, trong Thánh Thần. Làm chứng rằng trong Con của Ngài, Ngài đã yêu mến thế gian, làm chứng rằng trong Ngôi Lời nhập thể, Ngài đã cho vạn vật hiện hữu và gọi mọi người đến cuộc sống đời đời. Đối với đa số, Thiên Chúa mà chúng ta làm chứng có thể chính là Vị Thiên Chúa vô danh (Cvtd 17,22-23) mà họ tôn thờ dù không đặt tên cho Ngài, hay họ tìm Ngài theo tiếng gọi thầm kín của con tim khi họ có kinh nghiệm về tính cách hư vô của tất cả các thần tượng. Nhưng chúng ta này là sự rao giảng Tin Mừng thực sự khi nó chứng tỏ rằng, đối với con người, tạo hóa không phải là một sức mạnh vô danh và xa lạ: Ngài là Cha. “Chúng ta được gọi là con Thiên Chúa và thực sự chúng ta là thế” và trong Thiên Chúa, chúng ta là anh em với nhau (1Ga 3,1 ; Rm 8,14-17).

Trọng tâm của sứ điệp: sự cứu rỗi trong Đức Kitô

27. Việc Phúc Âm hóa luôn luôn hàm chứa một công bố rõ ràng rằng nơi Đức Kitô, Con Thiên Chúa làm người, Đấng đã chết và đã sống lại, ơn cứu rỗi đã được ban cho mọi người như ân sủng và lòng nhân lành của Thiên Chúa (Ep 2, 8 ; Rm 1,16). Sự công bố này là nền tảng, trung tâm và chóp đỉnh của việc Phúc Âm hóa. Đây không phải là một sự cứu rỗi nội tại, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất hay cả tinh thần, đang hao hụt trong cuộc sống tạm thời và hoàn toàn đồng hóa với những ước muốn, hy vọng, công việc và những đấu tranh trần thế. Ơn cứu rỗi của Đức Kitô vượt quá tất cả những giới hạn này để kết thúc trong sự thông hiệp với một Đấng duy nhất tuyệt đối, với Thiên Chúa. Sự cứu rỗi siêu việt, cách chung này đã khởi sự ở đời này, nhưng chỉ hoàn tất trong vĩnh cửu.

Dưới dấu chỉ hy vọng

28. Vì thế việc Phúc Âm hóa không thể không chứa đựng sự tiên báo về một thế giới bên kia, vì đó là định mệnh sâu xa và quyết định của con người vừa liên tục, vừa gián đoạn với hoàn cảnh hiện tại vượt quá

thời gian và lịch sử, vượt quá cái thực tại của thế giới mà bộ mặt đang qua đi và mọi sự vật của thế giới mà chiều kích tàng ẩn, một ngày kia sẽ được biểu lộ; vượt quá chính con người mà vận mệnh đích thực không mai một nơi vẻ mặt trần tục của nó, nhưng sẽ được mạc khải trong cuộc sống mai hậu (1Ga 3,2; Rm 8,29; Ph 3,20-21). Vậy việc Phúc Âm hóa cũng chứa đựng sự loan truyền niềm hy vọng vào Lời Chúa hứa qua Tân Ước nơi Đức Kitô, sự loan truyền tình yêu Thiên Chúa đối với ta và tình yêu của ta đối với Thiên Chúa, loan truyền một tình yêu huynh đệ đối với mọi người: nghĩa là con người có thể trao ban và tha thứ, từ bỏ và giúp đỡ anh em. Phát sinh từ tình yêu Thiên Chúa, tình yêu này là nòng cốt của Tin Mừng. Phúc Âm hóa này cũng bao hàm sự loan truyền về sự mầu nhiệm sự ác và việc tích cực tìm kiếm sự thiện. Phúc Âm hóa cũng bao hàm một sự loan truyền luôn luôn khẩn thiết. Đó là loan truyền việc tìm kiếm Thiên Chúa qua kinh nguyện, nhất là thờ lạy và tạ ơn, nhưng cũng qua sự hiệp thông với Giáo Hội của Đức Kitô là dấu hiệu hữu hình của sự gặp gỡ với Thiên Chúa. Sự hiệp thông này lại được diễn tả qua những bí tích là những dấu chỉ khác của Đức Kitô đang sống và hoạt động trong Giáo Hội. Sống các bí tích cách nào để có thể

làm cho việc cử hành đạt tới thành toàn thực sự, điều đó không làm cản trở hoặc làm sai lệch việc Phúc Âm hóa như một số người nghĩ tưởng, nhưng là mang lại cho nó mọi vẻ phong phú. Vì đằng sau việc rao giảng sứ điệp, toàn thể việc Phúc Âm hóa nhằm kiến tạo Giáo Hội. Giáo Hội không thể tồn tại mà không có sự hô hấp của đời sống bí tích mà tuyệt đỉnh là bí tích Thánh Thể.

Sứ điệp bao gồm tất cả đời sống

29. Nhưng việc Phúc Âm hóa sẽ không hoàn hảo nếu không để ý đến những liên hệ cụ thể và thường xuyên giữa Tin Mừng và đời sống, cá nhân và xã hội của con người. Vì thế việc Phúc Âm hóa bao gồm một sứ điệp minh nhiên, thích nghi với những hoàn cảnh khác nhau, một sứ điệp luôn có tính cách hiện đại về những quyền lợi và những bổn phận của tất cả mọi người, về đời sống gia đình, vì không có gia đình thì cá nhân không thể phát triển được, về đời sống chung trong xã hội, về đời sống quốc tế, về hòa bình, công bình và phát triển. Đó là một sứ điệp mạnh mẽ đặc biệt của thời đại chúng ta về sự giải phóng.

Sứ điệp giải phóng

30. Trong kỳ họp Thượng Hội Đồng mới đây, đông đảo các Giám Mục của tất cả các lục địa, nhất là các Giám Mục thuộc thế giới thứ ba, bằng những kiểu nói đặc biệt biết bao, đã nói lên sứ điệp giải phóng này bằng cách nhấn mạnh về mục vụ, trong đó vang dội tiếng nói của hàng triệu con cái Giáo Hội là thành phần của các dân tộc này. Đây là những dân tộc dần thân hết sức mình trong cố gắng và chiến đấu vượt lên khỏi tất cả những gì đã buộc họ phải ở bên lề cuộc sống : Đói kém, bệnh kinh niên, mù chữ, nghèo túng, bất công trong các tương quan quốc tế và nhất là trong mậu dịch, tình trạng thực dân mới về kinh tế và văn hóa đôi khi cũng tàn bạo như chính sách thực dân chính trị xưa. Các Giám Mục đã lập lại rằng Giáo Hội có bổn phận loan báo sự giải phóng của hàng triệu sinh linh, trong đó nhiều người là con cái Giáo Hội. Giáo Hội có bổn phận giúp đỡ khai sinh sự giải phóng này, phải minh chứng cho nó và làm cho nó hoàn tất. Điều đó không phải là xa lạ đối với việc Phúc Âm hóa.

Phúc Âm hóa và thăng tiến con người

31. Giữa việc Phúc Âm hóa và việc thăng tiến con người, tức phát triển và giải phóng, có những mối liên hệ sâu xa thực sự. Liên hệ có tính cách nhân văn, bởi vì con người cần được Phúc Âm hóa không phải là một hữu thể trừu tượng nhưng gắn liền với những vấn đề xã hội và kinh tế. Liên hệ có tính cách thần học, bởi vì chúng ta không thể tách rời bình diện Sáng tạo khỏi bình diện Cứu chuộc; thật thế, ơn cứu chuộc cũng đạt tới những hoàn cảnh rất cụ thể của sự bất công cần phải chấm dứt và sự công bình phải tái lập. Bác ái là liên hệ tiêu biểu nhất của Tin Mừng: Thực vậy, làm sao có thể loan truyền điều răn mới mà không làm phát triển sự lớn mạnh đích thực của con người trong công lý và hòa bình ? Chính Ta cũng lưu ý đến điều này khi nhắc lại là không thể chấp nhận quan niệm cho rằng: “Việc Phúc Âm hóa có thể hoặc phải khinh thường những vấn đề hết sức quan trọng và sôi nổi nhất hiện nay, liên quan đến công lý, giải phóng, phát triển và hòa bình trong thế giới. Nếu để tình trạng đó xảy ra, tức là không biết đến giáo lý Tin

Mừng về tình yêu đối với tha nhân đang đau khổ hoặc thiếu thốn”.

Và trong kỳ Đại Hội, khi đề cập đến vấn đề nóng bỏng này một cách nhiệt tâm khôn ngoan và can đảm, các Giám Mục đã đưa ra những nguyên tắc soi sáng để có thể nắm vững tầm mức và ý nghĩa sâu xa của việc giải phóng theo như Đức Giêsu Nazarét đã loan báo và thực hiện, và theo như Giáo Hội giảng dạy. Điều này khiến Ta vui mừng.

Không giản lược cũng không hàm hồ

32. Quả thực, chúng ta không cần che dấu rằng nhiều Kitô hữu, vì quảng đại và nhạy cảm đối với những vấn đề bi đát liên quan đến vấn đề giải phóng, và vì muốn đưa Giáo Hội vào nỗ lực giải phóng, họ thường có khuynh hướng giản lược sứ mệnh của Giáo Hội vào những chiều hướng của một kế hoạch thuần túy trần thế. Họ muốn giản lược những mục đích của Giáo Hội vào một mục tiêu nhân loại. Họ muốn giản lược ơn cứu rỗi mà Giáo Hội là thừa sai và là bí tích vào một hạnh phúc vật chất. Họ muốn giản lược sinh hoạt của Giáo Hội vào những sáng kiến thuộc lãnh

vực chính trị và xã hội mà quên mọi bận tâm thiêng liêng và đạo đức. Nhưng nếu giản lược như vậy thì Giáo Hội mất ý nghĩa căn bản của mình. Sự giải phóng của Giáo Hội sẽ mất hết tính chất độc đáo và cuối cùng dễ bị các ý thức hệ và đảng phái chính trị lôi kéo và điều khiển. Giáo Hội chẳng còn uy quyền để loan báo sự giải phóng đến từ Thiên Chúa nữa. Vì vậy cũng trong bài diễn từ khai mào Thượng Hội Đồng Giám Mục kỳ 3 Ta đã nói rằng: “Cần phải tái xác định một cách rõ ràng rằng mục đích đặc biệt tôn giáo của việc Phúc Âm hóa. Việc Phúc Âm hóa này sẽ mất ý nghĩa nếu nó xa lìa trục tôn giáo hướng dẫn nó. Đó là Nước Thiên Chúa trước hết mọi sự khác, hiểu theo ý nghĩa hoàn toàn thần học”.

Sự giải phóng theo Tin Mừng

33. Về việc giải phóng mà Tin Mừng loan báo và cố gắng thực hiện, tốt hơn phải nói rằng:

à Sự giải phóng không thể bị giản lược vào chiều kích hạn hẹp của kinh tế, chính trị, xã hội hay văn hóa, nhưng nó phải nhắm tới con người toàn diện, trong

mọi chiều kích, cho đến và gồm cả việc hướng đến tuyệt đối, ngay cả sự tuyệt đối của Thiên Chúa.

à Sự giải phóng này, do đó, gắn liền với một quan niệm nào đó về con người, với một nền nhân văn mà nó không thể hy sinh vì những đòi hỏi của chương trình, một thực hành, hay một thành quả ngắn hạn nào.

Phải quy về Nước Thiên Chúa

34. Do đó, dù không chấp nhận giản lược sứ mệnh của mình duy chỉ vào lãnh vực tôn giáo mà không quan tâm đến những vấn đề trần thế của con người, tuy nhiên, khi rao giảng sự giải phóng và liên kết với những ai chiến đấu và đau khổ vì sự giải phóng, Giáo Hội vẫn khẳng định một lần nữa rằng sứ mệnh thiêng liêng là sứ mệnh tiên quyết của mình. Giáo Hội không chấp nhận thay thế việc loan báo Nước Trời bằng việc công bố những công cuộc giải phóng của con người. Và Giáo Hội công bố rằng, ngay cả việc đóng góp của mình vào việc giải phóng cũng còn thiếu sót, nếu Giáo Hội xem thường việc loan báo ơn cứu rỗi trong Đức Kitô.

Cái nhìn của Tin Mừng về con người

35. Giáo Hội đem lại gần sự giải phóng con người và ơn cứu độ trong Đức Kitô, nhưng không bao giờ đồng hóa hai thực tại trên, vì, nhờ mạc khải, nhờ kinh nghiệm lịch sử và nhờ dựa trên đức tin mà suy tư, Giáo Hội biết rằng, không phải mọi ý niệm về sự giải phóng, đều nhất thiết có liên kết và am hợp với “Cái nhìn của Tin Mừng về con người, về sự vật và các biến cố”. Giáo Hội biết rằng thiết lập công cuộc giải phóng, tạo nên đời hạnh phúc và phát triển, cũng không đủ để Nước Chúa đến.

Hơn nữa, Giáo Hội xác tín mạnh mẽ rằng bất cứ sự giải phóng trần thế nào, bất cứ sự giải phóng chính trị nào, dù nó cố gắng tìm cách biện minh bằng đoạn văn này hay đoạn văn kia của Cựu ước và Tân ước, dù có nại đến uy quyền của những dữ kiện và kết luận thần học để biện minh cho những định đề ý thức hệ, và nguyên tắc hành động của nó, dù nó có muốn là nền thần học của ngày nay, nhưng bao lâu lý do sâu xa của việc giải phóng không phải là công bình trong bác ái, bao lâu cái đà lôi kéo nó không có chiều kích

thiên liêng thực sự, bao lâu mục đích tối hậu của nó không phải là sự cứu rỗi và hạnh phúc trong Thiên Chúa thì những cách giải phóng đó đều hàm chứa mầm mống tự hủy và lìa xa lý tưởng mà chính nó đề ra.

Cần phải trở lại

36. Chắc chắn Giáo Hội lấy làm quan trọng và khẩn cấp phải xây dựng những cơ cấu nhân bản hơn, công bình hơn, tôn trọng quyền lợi của con người hơn, ít đè nén và ít áp chế hơn. Nhưng Giáo Hội ý thức rằng những cơ cấu dù tốt đẹp nhất, những hệ thống dù đẹp đẽ nhất cũng sẽ mau trở nên vô nhân đạo, nếu những khuynh hướng vô nhân đạo của lòng người không được lành mạnh hóa, nếu không có sự trở lại của con tim và của lối nhìn của những người đang sống trong những cơ cấu đó hoặc điều khiển chúng.

Loại trừ bạo lực

37. Giáo Hội không thể chấp nhận bạo lực nhất là sức mạnh của khí giới, vì không thể kiểm soát được một khi nó bùng nổ. Giáo Hội cũng không thể chấp nhận giết chết bất cứ ai như một phương thể giải phóng, vì Giáo Hội biết rằng bạo lực luôn luôn kêu gọi bạo lực và phát sinh những hình thức áp chế và nô lệ mới thường trầm trọng hơn là những cái mà người ta tưởng đã giải phóng được. Ta đã nói cách rõ ràng trong cuộc du hành của Ta tại Colombie: “Sau hết, Ta

được phép khuyên các con, đừng tin tưởng vào bạo lực và cách mạng. Điều ấy nghịch lại với tinh thần Kitô giáo và cũng có thể làm trì hoãn chứ không hỗ trợ việc nâng cao tình trạng xã hội mà các con có lý để khát vọng. Ta phải nói và xác định lại rằng bạo lực không phải là của Kitô giáo, cũng không phải là của Tin Mừng. Những thay đổi về cơ cấu một cách đột ngột hoặc tàn bạo tự nó là giả dối, vô hiệu và chắc chắn không phù hợp với phẩm giá của các dân tộc.

Sự đóng góp đặc biệt của Giáo Hội

38. Như vậy, Ta vui mừng thấy Giáo Hội luôn ý thức sống động hơn về tư thế riêng biệt và thuần Tin Mừng của Giáo Hội trong sự cộng tác vào việc giải phóng con người. Vậy Giáo Hội làm gì? Thừa Giáo Hội tìm cách ngày càng thúc giục nhiều tín hữu dần thân vào việc giải phóng người khác. Giáo Hội lấy đức tin soi sáng cho các Kitô hữu “giải phóng” này, lấy tình yêu huynh đệ làm nguyên tắc hành động và giáo dục họ về học thuyết xã hội của Giáo Hội mà người Kitô hữu đích thực không thể không để ý tới. Người Kitô hữu phải lấy học thuyết đó làm nền tảng cho khôn ngoan

và kinh nghiệm để rồi diễn đạt một cách cụ thể trong các hoạt động, các tham gia và các dẫn thân. Tất cả những điều ấy không được lẫn lộn với những mưu lược hay với sự phục vụ một hệ thống chính trị nào, nhưng phải biểu thị sức sống của người Kitô hữu dẫn thân. Giáo Hội luôn cố gắng đưa cuộc chiến đấu giải phóng của người Kitô hữu vào chương trình tổng quát của việc cứu rỗi mà chính Giáo Hội loan báo.

Điều Ta vừa nhắc lại đây đã hơn một lần được bàn đến trong những cuộc thảo luận của Thượng Hội Đồng. Và lại, Ta đã muốn dành cho đề tài này đôi lời soi dẫn trong diễn từ mà Ta đã ngỏ với các Nghị phụ khi kết thúc kỳ họp Hội đồng.

Hy vọng rằng tất cả những nhận định này phải giúp tránh tính cách hàm hồ mà danh từ “giải phóng” thường mắc lấy trong những ý thức hệ, trong những hệ thống hoặc những nhóm chính trị. Việc giải phóng mà công cuộc Phúc Âm hóa đang loan truyền và chuẩn bị là sự giải phóng mà chính Đức Kitô đã loan báo cho con người bằng hy tế của Ngài.

Tự do tôn giáo

39. Gắn liền với việc Phúc Âm hóa, việc giải phóng hiểu theo ý nghĩa đúng đắn nhằm thực hiện những cơ cấu bảo vệ tự do của con người. Do đó, không thể tách lìa nó khỏi việc bảo đảm những quyền lợi căn bản của con người trong đó quyền tự do tôn giáo chiếm địa vị quan trọng nhất. Mới đây Ta đã nói về tính cách thời sự của vấn đề này khi nêu lên rằng: “Có biết bao nhiêu Kitô hữu ngày nay còn đang bị bóp nghẹt bởi sự áp chế có hệ thống vì họ là Kitô hữu, vì họ là người công giáo ! Thảm cảnh của lòng trung thành với Đức Kitô và của sự tự do tôn giáo còn tiếp tục, mặc dù nó được che đậy sau những lời tuyên bố quả quyết về quyền lợi cá nhân và xã hội”.

Chương IV

NHỮNG ĐƯỜNG LỐI CỦA VIỆC PHÚC ÂM HÓA

Tìm những phương tiện thích hợp

40. Tầm quan trọng hiển nhiên của nội dung việc Phúc Âm hóa không che lấp tầm quan trọng của những đường lối và những phương tiện.

“Rao giảng Tin Mừng thế nào” vẫn còn là vấn đề hiện thực bởi vì những cách thức rao giảng Tin Mừng thay đổi tùy theo những hoàn cảnh khác nhau về thời gian, không gian, văn hóa, và do đó những cách thức này đòi hỏi khả năng tìm kiếm và thích ứng của chúng ta.

Đặc biệt đối với chúng ta, là những chủ chăn trong Giáo Hội, chúng ta phải nghĩ tới cách tái lập những phương thức thích hợp nhất và hiệu quả nhất để truyền thông sứ điệp Tin Mừng cho người thời đại chúng ta cách mạnh dạn và khôn ngoan mà vẫn trung thành với sứ điệp. Về vấn đề này Ta chỉ cần nhắc lại

một vài đường hướng mà vì lý do này hay lý do khác, chúng có tầm quan trọng căn bản.

Chứng tích đời sống

41. Trước hết, để khởi nhắc lại những gì đã đề cập ở trên Ta chỉ nhấn mạnh điều này: Đối với Giáo Hội, đời sống chứng tá của người tín hữu đích thực hiện mình cho Thiên Chúa trong sự thông hiệp không gì cắt đứt được và nhiệt thành giúp đỡ anh em là phương thế thứ nhất của việc Phúc Âm hóa. Mới đây Ta đã nói với một nhóm giáo dân rằng: “Người đương thời sẵn sàng lắng nghe những nhân chứng hơn là những thầy dạy, hoặc nếu họ có nghe thầy dạy, thì bởi vì chính thầy dạy cũng là những nhân chứng”. Thánh Phêrô đã diễn tả rõ rệt điều này khi Ngài đưa ra một cách sống trong sạch và đáng kính “Không dùng lời nói nhưng lại chinh phục được cả những kẻ từ chối tin vào Lời” (1P 3,1). Vì vậy chính bằng cách xử thế, bằng đời sống mà Giáo Hội sẽ rao giảng Tin Mừng cho thế giới, nghĩa là bằng chứng tá đời sống trung thành với Đức Kitô, sống nghèo khó và từ bỏ, sống không lệ thuộc vào các quyền lực thế gian, tắt một

lời, chính bằng đời sống thánh thiện mà Giáo Hội rao giảng Tin Mừng.

Sự giảng dạy sống động

42. Lại nữa, không phải là thừa khi nhấn mạnh đến tầm mức và sự cần thiết của việc giảng dạy. “Làm sao tin Đấng mà người ta không được nghe ? Làm sao nghe nếu không có người rao giảng ? ... Vì tin là do bởi đã được nghe, nghe nhờ Lời Đức Kitô” (Rm 10,14-17). Khi xưa thánh tông đồ Phaolô đã đặt ra luật này, ngày nay sức mạnh của luật ấy vẫn còn nguyên vẹn.

Thực vậy, việc giảng dạy tức là dùng lời nói công bố sứ điệp vẫn luôn luôn cần thiết. Ta biết rằng con người hiện đại chán ngấy những bài diễn văn, họ thường tỏ ra mệt mỏi khi nghe và tệ hơn nữa họ còn tỏ ra chai đá đối với ảnh hưởng của lời nói. Ta cũng biết quan niệm của nhiều nhà tâm lý và xã hội. Họ xác quyết rằng người hiện đại đã vượt quá văn minh của lời nói, lời nói từ nay trở thành vô hiệu và vô dụng: văn minh của con người ngày nay là văn minh của hình ảnh. Những sự kiện này, quả thực phải thúc đẩy chúng ta sử dụng những phương tiện hiện đại của

nền văn minh mới này để loan truyền sứ điệp Tin Mừng. Và lại, hiện nay nhiều cố gắng có giá trị đã được thực hiện trong chiều hướng này. Ta chỉ biết ca ngợi và khuyến khích những nỗ lực đó phát triển thêm lên. Mặc dù con người ngày nay mệt mỏi vì những bài diễn văn trống rỗng, và mặc dù đã có nhiều hình thức truyền thông hiện đại khác, tuy nhiên điều đó không nên làm suy giảm sức mạnh vẫn có của lời nói cũng như giảm bớt sự tin tưởng vào lời nói. Lời nói luôn luôn hiện thực, nhất là khi nó mang lại sức mạnh của Thiên Chúa (1Cr 2,1-5). Vì vậy danh ngôn của Thánh Phaolô vẫn còn hiện thực: “Tin là do bởi đã được nghe” (Rm 10,17). Chính nhờ nghe Lời mà được dẫn tới đức tin.

Phụng vụ Lời Chúa

43. Cách rao giảng Tin Mừng này có nhiều hình thức mà lòng nhiệt thành sẽ tạo nên hầu như vô tận. Quả thực, có vô số những biến cố của đời sống và những tình cảnh của con người có thể tạo dịp tốt để loan truyền một cách kín đáo nhưng sâu đậm những gì Chúa muốn nói trong hoàn cảnh này. Chỉ cần có một sự nhạy cảm thiêng liêng thực sự, ta sẽ đọc được sứ

điệp của Chúa qua những biến cố. Tuy nhiên chính lúc mà phụng vụ được công đồng canh tân đã đề cao giá trị của “phụng vụ Lời Chúa” người ta sẽ lầm lớn nếu không coi bài giảng như một dụng cụ có giá trị và rất phù hợp cho việc loan báo Tin Mừng. Dĩ nhiên phải hiểu biết và lợi dụng những khả năng của bài giảng để bài giảng đạt được mọi hiệu quả mục vụ. Nhưng trước hết phải xác tín điều ấy và hết lòng yêu mến thi hành. Được lồng vào một cách đặc biệt trong việc cử hành Thánh Thể, từ đó nó múc lấy một sức mạnh đặc biệt, bài giảng chắc chắn sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc loan báo Tin Mừng nếu nó diễn tả được đức tin sâu xa và lòng yêu mến của thừa tác viên đang rao giảng. Các tín hữu đang tụ họp lại thành một Giáo Hội Vượt Qua để cử hành thánh lễ có Chúa Giêsu hiện diện, kỳ vọng nhiều vào bài giảng này. Thật vậy, họ nhận được nhiều lợi ích từ bài giảng, miễn là nó phải đơn giản, sáng sủa, trực tiếp, thích hợp, liên kết sâu xa với giáo lý của Tin Mừng và trung thành với giáo huấn của Giáo Hội. Nó phải được linh động bởi lòng nhiệt thành của một vị tông đồ quân bình, đó là tính cách thiết yếu ngay trong bài giảng. Nó phải đầy lòng cậy trông, có sức nuôi dưỡng lòng tin và đem đến an bình và hiệp nhất. Nhiều cộng

đoàn giáo xứ hoặc các cộng đoàn khác sẽ sống và được củng cố nhờ bài giảng mỗi chúa nhật, nếu nó đạt được những phẩm tính trên.

Cũng nên thêm rằng, nhờ sự canh tân phụng vụ, việc cử hành Thánh Thể không phải là lúc duy nhất dành cho bài giảng. Bài giảng không thể thiếu được trong việc cử hành mọi bí tích hoặc trong khi cử hành những nghi thức á phụng vụ tại các cộng đoàn tín hữu. Bài giảng luôn luôn là một cơ hội tốt nhất để truyền thông Lời Chúa.

Huấn giáo

44. Một hình thức khác không được xem thường trong việc Phúc Âm hóa là việc dạy giáo lý. Trí khôn, nhất là trí khôn của trẻ em và thiếu niên cần phải được học hỏi. Nhờ việc dạy giáo lý có hệ thống, các em biết được nhiều điều căn bản hơn, biết được nội dung sống động của chân lý mà Chúa muốn truyền lại cho chúng ta. Nội dung đó, Giáo Hội, trong suốt dòng lịch sử dài của mình đã tìm cách diễn đạt ngày càng phong phú hơn. Ai cũng phải chấp nhận rằng, sự giảng dạy này phải nhằm giáo dục thói quen sống đời

Kitô hữu, chứ không phải dừng lại ở bình diện tri thức. Dù giảng dạy giáo lý tại nhà thờ hay nếu được tại các trường học hay ngay cả trong các gia đình Kitô giáo, nỗ lực rao giảng Tin Mừng chắc chắn sẽ có kết quả nhiều nếu các giảng viên giáo lý có trong tay những tài liệu thích hợp, khéo léo cập nhật hóa chúng và tuân phục quyền Giám Mục. Những phương pháp dạy phải thích nghi với lứa tuổi, văn hóa, khả năng của học viên. Phải luôn luôn tìm cách ghi lại trong trí nhớ, trong trí khôn và trong lòng họ những chân lý cốt yếu cần phải thấm nhuần trong cả cuộc sống. Nhất là phải đào tạo những giảng viên có khả năng, dù là giảng viên giáo lý các xứ đạo, giáo viên hay phụ huynh. Họ phải đạt được trình độ hoàn hảo trong nghệ thuật cao đẳng này. Đó là điều cần thiết và bắt buộc đối với việc dạy giáo lý. Huấn luyện trẻ em là một việc không thể bỏ qua với bất cứ giá nào. Ngoài ra, trong những điều kiện hiện thời người ta nhận thấy rằng việc dạy giáo lý dưới hình thức dự tòng là một công việc mỗi ngày một thêm cấp bách đối với nhiều thanh niên và người lớn. Nhờ ơn thánh tác động, họ dần dần khám phá ra khuôn mặt của Đức Kitô và cảm thấy cần phải hiến thân cho Ngài.

Sử dụng những phương tiện truyền thông đại chúng

45. Thế kỷ của chúng ta được đánh dấu bằng những phương tiện truyền thông xã hội. Vì thế, như Ta đã nhấn mạnh, lời loan báo đầu tiên, việc huấn giáo hoặc việc đào sâu đức tin tiếp theo sau đều không thể bỏ qua những phương tiện này.

Được sử dụng vào việc phục vụ Tin Mừng, những phương tiện này có khả năng mở rộng hầu như vô tận thâm nhận Lời Chúa và có thể đem Tin Mừng đến cho hàng triệu người. Giáo Hội sẽ mắc tội với Chúa nếu Giáo Hội không lợi dụng những phương tiện đó, phương tiện mà trí khôn con người không ngừng làm cho hoàn bị hơn. Nhờ những phương tiện này mà Giáo Hội công bố “trên mái nhà” (Mt 10,27) sứ điệp mà Giáo Hội đang nắm giữ. Giáo Hội xem những phương tiện này như một hình thức hiện đại và hiệu nghiệm của tòa giảng. Nhờ chúng mà Giáo Hội nói được với đám đông.

Tuy nhiên, việc sử dụng những phương tiện truyền thông xã hội vào việc Phúc Âm hóa nêu lên một đòi

hỏi : Đó là, qua những phương tiện này, sứ điệp Tin Mừng, dù phải đến tận các đám đông, nhưng với khả năng đạt tới lương tâm của từng người, sứ điệp phải ở lại trong từng người như một cá nhân duy nhất độc đáo, và đưa họ đến một sứ gắn bó và dần thân hoàn toàn cá biệt cho sứ điệp Tin Mừng.

Cần phải tiếp xúc cá nhân

46. Chính vì thế, bên cạnh cách loan truyền Tin Mừng dưới hình thức tổng quát, còn có một hình thức khác để truyền đạt Tin Mừng vẫn còn giá trị và quan trọng: Đó là việc tiếp xúc cá nhân. Chính Giêsu đã thường thực hành phương pháp này, chẳng hạn Ngài đã đàm đạo với Nicôđêmo, với Giakêu, với người nữ Samaria, với Simon người thu thuế. Cả các tông đồ cũng làm như vậy. Thực ra có cách truyền đạt Tin Mừng nào khác hơn là truyền đạt cho người khác kinh nghiệm đức tin của chính mình ? Do đó, không nên vì sự cần thiết phải loan Tin Mừng cho quần chúng mà quên hình thức loan truyền này. Chính nhờ hình thức này mà lương tâm cá nhân của con người được chạm tới, được đánh động do lời nói khác thường mà họ nghe được nơi người khác. Chúng ta không thể kể

xiết những hành động tốt lành của các linh mục, qua bí tích cáo giải hoặc qua những lần nói chuyện hướng dẫn của các ngài. Các ngài sẵn sàng hướng dẫn mọi người theo đường lối Tin Mừng, khuyến khích họ cố gắng, nâng đỡ họ chỗi dậy khi bị sa ngã và ân cần giúp đỡ họ.

Vai trò của các Bí Tích

47. Vả lại, người ta sẽ không bao giờ nhấn mạnh đủ rằng việc Phúc Âm hóa không kết thúc ở việc rao giảng và giảng dạy một giáo thuyết. Vì việc Phúc Âm hóa phải đạt tới đời sống: Đời sống đó là đời sống tự nhiên mà việc Phúc Âm hóa đem lại cho một ý nghĩa mới nhờ những viễn tượng của Tin Mừng mà nó khai mở. Đời sống đó là đời sống siêu nhiên không chối bỏ như: thanh luyện và nâng cao đời sống tự nhiên.

Đời sống siêu nhiên này được diễn tả cách sống động trong 7 phép bí tích với nguồn ân sủng và thánh thiện kỳ diệu của chúng.

Như vậy việc Phúc Âm hóa thể hiện tất cả sự phong phú của mình khi thực hiện sự liên lạc thâm sâu nhất

hay đúng hơn sự liên lạc hỗ tương không bao giờ gián đoạn giữa Lời Chúa và các Bí tích. Theo một nghĩa nào đó, thực là hàm hồ như đôi khi người ta đòi chọi việc Phúc Âm hóa với việc thực hành bí tích. Quả thực, có những cách ban hành bí tích, vì không dựa chắc chắn vào giáo lý của chính các bí tích và của giáo lý nói chung nên kết cục sẽ làm mất phần lớn hiệu quả của chúng. Vai trò của việc Phúc Âm hóa rõ rệt là giáo dục trong đức tin để mỗi tín hữu không phải chỉ tiếp nhận cách thụ động hoặc chỉ chịu đựng nhưng sống các bí tích như là những bí tích đích thực của đức tin.

Những hình thức sống đạo bình dân

48. Đến đây Ta nhận thấy có một hình thức khác của việc Phúc Âm hóa mà chúng ta không thể không đề cập tới. Ta muốn nói đến cái thực tại mà ngày nay người ta thường ám chỉ qua danh từ “ Đạo tình cảm bình dân”.

Tại những miền mà Giáo Hội được thiết lập từ nhiều thế kỷ cũng như ở những nơi Giáo Hội đang được xây dựng, người ta nhận thấy nơi dân chúng những cách

diễn tả đặc biệt về sự tìm kiếm Thiên Chúa và về đức tin. Xưa kia người ta đã coi cách diễn tả này như có vẻ không được tinh ròng, đôi khi đáng khinh nữa, thì ngày nay, khắp nơi chúng trở thành đối tượng của một sự khám phá mới. Các Giám Mục, với một tinh thần mục vụ thực tế và một lòng nhiệt thành đáng kể, đã nghiên cứu ý nghĩa của chúng trong kỳ Đại Hội mới đây.

Người ta có thể nói rằng, đạo tình cảm bình dân chắc chắn có những giới hạn của nó. Nó thường mở cửa cho nhiều hình thức sai lệch về tôn giáo xâm nhập vào kể cả việc mê tín dị đoan. Nó thường ngừng lại ở những biểu dương của một nền văn hóa nào đó mà không đưa tới niềm tin gắn bó thực sự. Nó cũng có thể đưa tới sự hình thành các giáo phái và gây nguy hiểm cho cộng đồng Giáo Hội chân chính.

Nhưng nếu được hướng dẫn tốt, nhất là nhờ khoa sự phạm Phúc Âm hóa, nó lại có nhiều giá trị phong phú. Nó biểu lộ một sự khao khát Thiên Chúa mà chỉ có những kẻ đơn sơ và nghèo khó mới có thể nhận biết được. Khi cần bày tỏ lòng tin nó có thể khiến người ta sống quảng đại và hy sinh đến mức độ anh hùng. Nó

bao hàm một cảm thức sâu xa về những phẩm tính siêu việt của Thiên Chúa : Tình phụ tử, sự quan phòng, sự hiện diện yêu thương và bền vững của Người. Nó phát sinh những thái độ nội tâm khó thấy ở nơi khác cùng một mức độ : Sự kiên nhẫn, ý thức về thánh giá trong cuộc sống thường nhật, sự từ bỏ, sự hướng mở đến người khác, lòng sùng đạo. Vì những khía cạnh này, Ta sẵn sàng gọi chúng là “đạo đức bình dân” nghĩa là đạo của người bình dân hơn là đạo tình cảm.

Vì đức ái mục vụ đòi hỏi cho nên tất cả những ai được Đức Kitô đặt để làm đầu của các cộng đoàn Giáo Hội, cần phải tìm ra những nguyên tắc hướng dẫn lòng đạo đức này, một thực tại vừa rất phong phú vừa bị đe dọa. Trước hết phải nhạy cảm với vấn đề, phải biết nhận ra những chiều kích nội tâm và những giá trị không thể chối bỏ nơi chúng, phải sẵn sàng giúp đỡ và thắng lướt những nguy cơ lệch lạc. Được hướng dẫn tốt, lòng đạo đức bình dân này có thể dần dần làm cho giới bình dân của chúng ta gặp gỡ thực sự Thiên Chúa trong Đức Giêsu Kitô.

Chương V

ĐỐI TƯỢNG CỦA VIỆC PHÚC ÂM HÓA

Phạm vi phổ quát

49. Những lời sau cùng của Chúa Giêsu trong Tin Mừng Thánh Máccô nói lên tính cách phổ quát của việc Phúc Âm hóa, mà Chúa Giêsu ủy thác cho các Tông đồ: "Các con hãy đi khắp nơi, rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật" (Mc 16,15)

Mười Hai Tông đồ và thế hệ Kitô hữu đầu tiên đã thấu hiểu bài học của đoạn văn này và những đoạn tương tự khác. Họ đã lấy đó làm chương trình hoạt động. Chính sự bách hại, khiến cho các Tông Đồ phải phân tán, cũng đã góp phần gieo rắc Lời Chúa và làm cho Hội Thánh hiện diện nơi những miền xa xôi hơn. Việc thu nhận Phaolô vào hàng các Tông Đồ và đặc sủng rao giảng ngày tái giảng của Chúa Giêsu cho dân ngoại, không phải Do Thái, cũng làm nổi bật tính cách phổ quát này.

Bất chấp mọi cản trở

50. Trải qua 20 thế kỷ lịch sử, các thể hệ Kitô hữu đã lần lượt đương đầu với nhiều cản trở đối với sứ mệnh phổ quát này. Một đảng, chính những người rao giảng Tin Mừng, vì nhiều lý do, bị cấm dỗ hạn chế phạm vi hoạt động Tông Đồ của họ. Đảng khác, có những sự chống đối mà sức người không thắng vượt được do những người được Phúc Âm hóa gây nên. Vả lại, ta phải đau đớn nhìn lại rằng, công việc rao giảng Tin Mừng bị cản trở nặng nề nếu không nói là ngăn cấm do các chính quyền. Kể cả ngày nay. Có những người rao giảng Lời Chúa cũng bị tước đoạt các quyền lợi của mình, bị bách hại, bị đe dọa, bị khai trừ chỉ vì họ rao giảng Chúa Kitô và Tin Mừng của Ngài. Nhưng Ta tin rằng, dù có những thử thách đau đớn này, thì công việc của các Tông Đồ đó rốt cuộc cũng không thiếu vắng tại bất cứ nơi nào trên thế giới.

Mặc dầu gặp những khó khăn lớn lao như thế, Giáo Hội luôn luôn tìm nguồn hứng khởi sâu xa nhất nơi mệnh lệnh của chính Thầy mình là : Đi khắp muôn nơi ! Cho muôn tạo vật ! Đến tận cùng tái đất ! Giáo Hội cũng hâm nóng lại nguồn hứng khởi này tại Thượng hội đồng Giám mục, bằng cách kêu gọi dừng hạn chế việc rao giảng Tin Mừng vào một vùng nào,

hoặc vào một hạng người hay một loại văn hóa nào. Một vài thí dụ điển hình có thể làm sáng tỏ sự kiện trên.

Sự loan báo đầu tiên cho những kẻ xa lạ

51. Rao giảng Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài cho những kẻ chưa biết đến, đó là chương trình căn bản mà Giáo Hội đã nhận nơi Đấng Sáng Lập và đã đảm trách ngay từ buổi sáng ngày lễ hiện xuống. Toàn thể bộ Tân Ước và đặc biệt là Công vụ Tông đồ đã chứng tỏ là một thời kỳ truyền giáo gương mẫu, làm kiểu mẫu cho các cố gắng truyền giáo sau này trong suốt lịch sử Giáo hội.

Sự loan báo đầu tiên này về Đức Kitô, Giáo hội đã thực hiện bằng một sinh hoạt phức tạp và đa diện mà đôi khi người ta mệnh danh là : "Tiền Phúc Âm hóa", nhưng thực ra đã là Phúc âm hóa rồi, mặc dù còn trong giai đoạn đầu và chưa hoàn bị. Một loạt phương tiện hầu như bất tận có thể thực hiện cho mục đích này, trước hết phải kể đến việc giảng dạy trực tiếp, rồi kể đến là nghệ thuật, khoa học, triết học, và cả tình người nữa.

Loan báo cho thế giới khô đạo

52. Tuy sự loan báo đầu tiên này đặc biệt dành cho những ai chưa hề nghe biết Tin mừng của Chúa Giêsu hoặc cho trẻ em, nhưng vì các tình cảnh khô đạo khá phổ biến ngày nay, sự loan báo này cũng luôn cần thiết cho nhiều người phải chịu phép thanh tẩy nhưng không sống đạo, cho những người đơn sơ chất phát đã có đức tin phần nào nhưng không biết rõ những điều căn bản của đức tin, cho những nhà trí thức cảm thấy cần biết Chúa Giêsu Kitô bằng một đường lối khác với những gì đã học khi còn bé, và nhiều người khác nữa.

Các tôn giáo ngoài kitô giáo

53. Việc loan báo cũng dành cho một phần lớn nhân loại thuộc những tôn giáo khác mà Giáo Hội tôn trọng và quý yêu, vì những tôn giáo này biểu hiện sống động tâm hồn của các tập thể nhân loại. Các tôn giáo này mang trong mình tiếng vọng ngàn đời của việc tìm kiếm Thiên Chúa, một sự tìm kiếm bất toàn nhưng thường được thực hiện với tâm hồn trung

thành và ngay thẳng. Các tôn giáo đó có một di sản đáng kể về những văn kiện hết sức đạo đức, đã dạy cho nhiều thế hệ biết cầu nguyện, được gieo vãi bằng vô số "hạt giống Ngôi Lời" và có thể tạo nên một sự "chuẩn bị cho Tin Mừng" đích thực. Đó là lời rất hay mà công đồng Vaticanô II đã mượn của Eusèbe de Césarée.

Một hoàn cảnh như vậy quả thực đã gọi nên những vấn đề phức tạp và tế nhị cần phải được nghiên cứu dưới ánh sáng của truyền thống Kitô Giáo và giáo huấn của Giáo hội để cung ứng cho các nhà truyền giáo ngày nay cũng như ngày mai những chân trời mới trong việc tiếp xúc với những tôn giáo ngoài Kitô giáo. Hôm nay Ta muốn đặc biệt lưu ý rằng không phải vì kính trọng và quý mến các tôn giáo đó, không vì vấn đề đã nêu lên quá phức tạp mà Giáo hội phải thình lạng không rao giảng Đức Kitô cho những người không Công Giáo. Ngược lại, Giáo hội nghĩ rằng, những người này có quyền biết sự phong phú của mầu nhiệm Đức Kitô (Ep 3,8), trong đó Ta tưởng rằng toàn thể nhân loại có thể tìm thấy một cách đầy đủ tất cả những gì họ đang mò mẫm tìm tòi về Thiên Chúa, về con người, về định mệnh của con người, về

sự sống và sự chết, về chân lý. Như thế đứng trước ngay cả những biểu lộ của lòng đạo đức tự nhiên đáng kính nhất, Giáo hội vẫn dựa trên sự kiện là đạo của Đức Kitô mà Giáo hội loan truyền, sẽ khách quan đặt con người trong tương quan với chương trình của Thiên Chúa, với sự hiện diện tác động của Người. Như vậy Giáo hội giúp cho con người gặp gỡ mầu nhiệm tình Phụ tử của Thiên Chúa với họ. Hay nói cách khác quả thực chỉ có Kitô giáo mới tạo được một liên hệ đích thực và sinh động với Thiên Chúa mà các tôn giáo khác không thể làm được, mặc dù họ vẫn giơ tay hướng về trời.

Vì vậy Giáo hội duy trì nỗ lực truyền giáo và còn muốn tăng thêm nỗ lực ấy trong thời đại lịch sử của chúng ta. Giáo Hội thấy mình có trách nhiệm trước nhiều dân tộc. Giáo Hội sẽ không an nghỉ bao lâu Giáo Hội chưa làm hết sức mình để loan Tin Mừng Giêsu cứu thế. Giáo Hội luôn luôn chuẩn bị thể hệ những tông đồ mới. Chúng ta hãy vui mừng nhận thấy điều đó ngay cả lúc không thiếu những người dám nghĩ và cho rằng sự hăng say truyền giáo của Giáo Hội đã suy yếu và việc gởi các vị thừa sai từ nay kể như hết thời. Thượng hội đồng Giám Mục vừa trả

lời rằng việc truyền giáo không suy yếu và Giáo Hội sẽ luôn luôn gắng sức chu toàn việc này.

Nâng đỡ lòng tin các tín hữu

54. Tuy nhiên, Giáo Hội không bỏ qua mà vẫn liên li chú ý đến những người đã lãnh nhận đức tin ; họ là những người đã tiếp xúc với Tin Mừng từ nhiều thế hệ. Vì vậy Giáo Hội tìm cách đào sâu củng cố, nuôi dưỡng và làm cho đức tin của họ trưởng thành hơn, vì họ đã mang danh là tín hữu, là kẻ tin, để họ xứng với danh hiệu của mình hơn.

Ngày nay đức tin hầu như luôn luôn phải đương đầu với phong trào tục hóa, kể cả vô thần đấu tranh. Một đức tin đứng trước thử thách và hăm dọa, hơn nữa, một đức tin bị bao vây và uy hiếp. Đức tin này có thể bị chết ngạt hoặc kiệt sức nếu không được nuôi dưỡng và nâng đỡ hằng ngày. Như vậy việc rao giảng Tin Mừng phải thường xuyên nuôi dưỡng và nâng đỡ đức tin của các tín hữu nhất là bằng việc huấn giáo đầy nhựa sống Tin Mừng nhờ một ngôn ngữ thích hợp với thời đại và con người.

Giáo Hội công giáo cũng lưu tâm rất nhiều đến các Kitô hữu không còn hoàn toàn hiệp thông với mình. Đang khi cùng họ chuẩn bị hiệp nhất như Chúa Kitô muốn, và chính là để thực hiện sự hiệp nhất trong chân lý, mà Giáo Hội đã ý thức rằng mình sẽ thiếu sót bốn phần cách trầm trọng nếu không chứng tỏ cho các Kitô hữu đó sự viên mãn của mạc khải mà Giáo Hội đang nắm giữ.

Những kẻ không tin

55. Thượng Hội Đồng Giám Mục kỳ này còn có một mối bận tâm đầy ý nghĩa đối với hai phạm vi rất khác nhau nhưng cũng rất gần nhau, vì cả hai cùng nêu ra một thách thức đối với việc Phúc Âm hóa.

Phạm vi thứ nhất là cái mà người ta có thể gọi là trào lưu vô tín của thế giới hiện đại. Thượng Hội Đồng Giám Mục cố gắng diễn tả thế giới hiện đại đó như sau : Dưới danh hiệu này, biết bao trào lưu tư tưởng, biết bao giá trị và phản giá trị, biết bao khát vọng tiềm ẩn, hay mầm mống phá hoại, biết bao xác tín cũ đang biến mất và nhường chỗ cho những xác tín mới chế ngự.

Về phương diện thiêng liêng, thế giới hiện đại này đang vùng vẫy trong cái mà một tác giả đương thời gần đây đã gọi là : "Thảm cảnh của thuyết nhân bản vô thần".

Một đàn người ta cũng nhận thấy ngay trong lòng của thế giới đương thời một hiện tượng được coi như là dấu chỉ rõ rệt nhất của thế giới : Đó là phong trào tục hóa. Ta không nói đến sự tục hóa như một cố gắng tự nó là đúng đắn và chính đáng không hề nghịch với đức tin và đạo lý. Cố gắng này nhằm khám phá ra trong tạo vật, trong mỗi sự vật hoặc trong mỗi biến cố của vũ trụ, những định luật chi phối chúng với một sự tự trị nào đó, đồng thời xác tín rằng chính tạo hóa đã đặt để những định luật này. Theo chiều hướng này, mới đây Công đồng đã quả quyết rằng có tự trị chính đáng của văn hóa và đặc biệt của khoa học. Ở đây Ta chỉ đề cập đến một thứ tục hóa thực sự : Đây là một quan niệm về thế giới mà theo đó con người có thể giải thích được thế giới mà không cần tới Thiên Chúa ; Thiên Chúa đã trở thành thừa thãi và trở ngại. Một chủ thuyết tục hóa như thế, vì muốn nhìn nhận quyền

hạn của con người nên rốt cuộc lại không đếm xỉa tới và ngay cả chối bỏ Thiên Chúa nữa.

Một hình thức vô thần mới, một thứ vô thần quy nhân, không còn phải là trừu tượng và siêu hình nữa, nhưng nó thực sự có tính cách thực dụng, có kế hoạch và tranh đấu, nó dường như bắt nguồn từ đó. Liên kết với thứ tục hóa vô thần trên những người chủ trương vô thần luôn đề nghị cho chúng ta những hình thức khác nhau như : Một nền văn minh tiêu thụ, nâng chủ nghĩa khoái lạc lên thành giá trị tối thượng, một ý muốn tham quyền thống trị, những kỳ thị đủ loại và con biết bao khuynh hướng vô nhân đạo của thuyết nhân bản nói trên.

Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận cũng trong thế giới hiện đại này có những điểm hợp với Kitô giáo, có những giá trị được đề cao trong Tin Mừng, ít ra là dưới hình thức thiếu vắng hoặc tiếc nuối chúng. Do đó, không có gì quá đáng nếu nói đó là lời kêu xin mãnh liệt và bi thương của những người muốn được Phúc Âm hóa.

Những người không sống đạo

56. Phạm vi thứ hai là phạm vi của những người không sống đạo. Ngày nay, hiểu một cách rộng rãi, rất nhiều người đã được rửa tội và mặc dù không minh nhiên chối bỏ phép rửa của mình, nhưng lại hoàn toàn ở bên lề của nó và không sống nó nữa. Hiện tượng những người không sống đạo đã có từ xa xưa trong lịch sử Kitô giáo. Nó được coi như một yếu đuối tự nhiên, như một sự rã rời sâu xa mà chúng ta mang trong thâm tâm mình. Nhưng ngày nay, hiện tượng đó có những đường nét mới mẻ. Nguyên do thường ở chỗ mất gốc, nhất là đối với thời đại chúng ta. Nó cũng phát sinh từ sự kiện các Kitô hữu phải thường xuyên tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của những người vô thần. Và lại, những người không sống đạo ngày nay hơn những người xưa, tìm cách giải thích và biện minh lập trường của mình, nhân danh một lối sống đạo nội tâm, nhân danh một lối sống tự trị và trung thực của cá nhân.

Như thế, một đằng những người vô thần và vô tín, đằng khác những kẻ không sống đạo, tất cả đều đối kháng lại việc Phúc Âm hóa với một sự chống cự không phải là tầm thường. Những người vô thần và

vô tín chống lại bằng cách phủ nhận quan niệm theo đó trật tự mới của sự vật, ý nghĩa mới của thế giới, của sự sống, của lịch sử đều không thể có được nếu không khởi xuất từ một Thiên Chúa Tuyệt Đối. Những người không sống đạo thì lại chống đối một cách bất đồng với thái độ hơi thù nghịch của những người cảm thấy quá quen thuộc như ở nhà mình, họ quá quyết đã biết tất cả, đã ném tất cả nên không tin tưởng vào đó nữa.

Tục hóa vô thần và sự bỏ đạo xuất hiện nơi người lớn và thanh niên, nơi hạng ưu tú và giữa đám quần chúng, trong mọi lãnh vực văn hóa, trong các giáo hội già cũng như giáo hội trẻ. Hoạt động truyền bá Tin Mừng của Giáo Hội không thể bỏ qua hai nhóm này mà không đối diện với họ, phải kiên trì tìm ra những phương thế và ngôn ngữ thích hợp để dẫn giải cho họ hoặc trình bày lại cho họ Mạc Khải của Thiên Chúa và niềm tin vào Đức Giêsu Kitô.

Trong lòng quần chúng

57. Noi gương Chúa Giêsu trong suốt thời gian giảng – dạy của Ngài, noi gương 12 tông đồ vào buổi sáng Lễ Hiện xuống, Giáo Hội cũng nhìn thấy trước mắt đám đông nhân loại đang cần tới Tin Mừng và họ có quyền biết tới, bởi vì Thiên Chúa: “Muốn mọi người được cứu chuộc và nhận biết chân lý” (1Tm 2,4).

Ý thức về nhiệm vụ rao giảng ơn cứu độ cho mọi người, Giáo Hội biết rằng sứ điệp Tin Mừng không chỉ dành riêng cho một nhóm nhỏ đã được chỉ định, được đặc tuyển, nhưng dành riêng cho tất cả mọi người. Do đó Giáo Hội coi sự ưu tư của Đức Kitô như của chính mình đối với đám đông lê thê lạc lối “như bầy chiên không có người chăn” và Giáo Hội luôn lặp lại lời : “Ta thương xót đám đông này” (Mt 9,36).

Nhưng Giáo Hội cũng ý thức rằng, trong lòng đại chúng, muốn có việc rao giảng Tin Mừng có hiệu quả thì phải gửi sứ điệp tới các cộng đoàn tín hữu, từ đó hoạt động của họ có thể và phải đến với người khác.

Các cộng đoàn Giáo Hội cơ bản

58. Thượng Hội Đồng Giám Mục đã chú ý nhiều đến những cộng đoàn nhỏ, còn gọi là “Cộng đoàn cơ bản”. Bởi vì trong Giáo Hội ngày nay chúng thường được nhắc tới. Cộng đoàn đó là gì và tại sao cộng đoàn này vừa là nơi nhận Tin Mừng vừa là cộng đoàn rao giảng Tin Mừng?

Nhờ những chứng từ khác nhau trong Thượng Hội Đồng Giám Mục, chúng ta biết rằng các cộng đoàn này khai nở hầu như khắp nơi trong Giáo Hội nên cũng khác nhau nhiều tại cùng một vùng hoặc từ vùng này đến vùng khác.

Tại một số vùng, trừ trường hợp đặc biệt, chúng phát sinh và triển nở ngay trong Giáo Hội. Chúng liên đới với sức sống của Giáo Hội, được những lời giáo huấn của Giáo Hội nuôi dưỡng, gắn bó với các chủ chăn. Trong những trường hợp ấy những cộng đoàn này được khai sinh do nhu cầu muốn sống mạnh mẽ hơn đời sống của Giáo Hội, hoặc do ước muốn đi tìm kiếm một chiều kích nhân bản hơn, điều này những cộng đoàn lớn hơn khó bề thỏa mãn, nhất là tại những

thành phố hiện đại là những nơi chỉ thuận tiện cho đời sống đại chúng, nhưng lại làm cho cá nhân bị quên lãng. Trường hợp được khai sinh từ trong những cộng đoàn xã hội có sẵn như làng xóm v.v.. thì các cộng đoàn cơ bản này chỉ cần tùy nghi tiếp nối sinh hoạt lên bình diện thiêng liêng và tôn giáo như đời sống phượng tự, đào sâu đức tin, bác ái huynh đệ, cầu nguyện, hiệp thông với chủ chăn. Ngoài ra các cộng đoàn này còn muốn tụ tập những nhóm người riêng biệt để nghe và suy niệm Lời Chúa, để chịu các bí tích và dự tiệc huynh đệ, đó là những người mà tuổi tác, trình độ văn hoá, địa vị và tình trạng xã hội làm cho đồng nhất hơn, chẳng hạn những cặp vợ chồng, những người trẻ, những người đồng nghiệp v.v ... họ là những người mà chính đời sống tranh đấu cho công lý cho người nghèo, cho sự thăng tiến con người v.v... đã liên kết lại. Sau hết, các cộng đoàn này còn quy tụ các tín hữu ở những nơi thiếu vắng linh mục khiến sinh hoạt bình thường của một cộng đoàn giáo dân gặp khó khăn. Những gì Ta vừa đề cập ở trên được hiểu là đã diễn ra trong các cộng đoàn do Giáo Hội thiết lập, nhất là trong các Giáo Hội địa phương và trong các giáo xứ.

Ngược lại, ở những vùng khác, các cộng đoàn cơ bản lại liên kết với nhau với tinh thần chỉ trích thậm tệ Giáo Hội. Họ kết án Giáo Hội như một “Tổ chức cơ cấu” và tự coi mình như những cộng đoàn đặc sủng, thoát khỏi mọi cơ cấu, chỉ nhờ Tin Mừng linh hứng mà thôi. Vì vậy các cộng đoàn này có chung đặc điểm là công nhiên kết án và từ chối những biểu thị của Giáo Hội như Phẩm trật, các dấu chỉ. Họ phản đối kịch liệt Giáo Hội này. Trong chiều hướng đó, những nguồn chính yếu của họ sẽ mong chóng trở nên chủ thuyết và có thể nói được là rất dễ trở thành môi ngon cho một lập trường chính trị, một trào lưu, rồi một hệ thống hay ngay cả một đảng phái và như thế liệu mình biến thành dụng cụ của chúng.

Sự khác biệt đã rõ rệt: Những cộng đoàn có tinh thần chống đối tự cắt đứt với Giáo Hội, làm hại đến sự hiệp nhất, tự coi mình là những cộng đoàn cơ bản, nhưng đó chỉ là một danh xưng hoàn toàn xã hội. Họ lạm dụng từ ngữ khi tự coi mình như những cộng đoàn giáo hữu cơ bản, cho dù họ tự hào là luôn hiệp nhất với Giáo Hội, nhưng lại chống đối hàng giáo phẩm. Danh xưng này phải dùng cho những cộng đoàn khác tức là những cộng đoàn tụ họp lại trong

Giáo Hội để hiệp nhất với Giáo Hội và để làm cho Giáo Hội lớn lên.

Những cộng đoàn này là nơi truyền bá Tin Mừng, giúp ích cho những tập thể lớn hơn, đặc biệt cho các Giáo Hội địa phương. Và như Ta đã nói khi Thượng Hội Đồng kết thúc, những cộng đoàn đó sẽ là niềm hy vọng cho Giáo Hội phổ quát :

- Nếu những cộng đoàn đó tìm lương thực trong Lời Chúa và không giam hãm mình trong sự phân hóa chính trị hoặc trong những chủ nghĩa thời trang đang sẵn sàng khai thác tiềm lực vô tận nơi họ.

- Nếu những cộng đoàn đó tránh khỏi cơn cám dỗ luôn luôn đe dọa của sự chống đối kịch liệt và tinh thần chỉ trích quá lỗ, viện cớ mình là chân chính và có tinh thần cộng tác.

- Nếu những cộng đoàn đó liên kết chặt chẽ với Giáo Hội địa phương và Giáo Hội phổ quát, như vậy tránh được một mối nguy hiểm thực sự là tự cô lập và tưởng mình là Giáo Hội duy nhất, chính thức của

Chúa Giêsu Kitô và lên án những cộng đoàn Giáo Hội khác.

- Nếu những cộng đoàn đó chân thành hiệp thông với các chủ chăn mà Chúa ban cho Giáo Hội và hiệp thông với quyền giáo huấn do Thần Khí của Đức Kitô đã uỷ thác cho các Ngài.

- Nếu những cộng đoàn đó không bao giờ tự coi mình là những cộng đoàn duy nhất nhận lãnh và quản lý việc Phúc Âm hóa, hay là người duy nhất nắm giữ Tin Mừng, như các cộng đoàn đó phải ý thức rằng Giáo Hội có tầm mức rộng lớn và đa diện và Giáo Hội còn có nhiều cách nhập thể khác.

- Nếu những cộng đoàn đó mỗi ngày một lớn lên về ý thức, nhiệt thành, dấn thân và hăng say trong việc truyền giáo.

- Nếu những cộng đoàn đó tỏ ra trong mọi sự tinh thần đại đồng và không bao giờ khép kín thành phe nhóm.

Với những điều kiện tuy đòi hỏi nhưng phần khởi vờ nêu trên, những cộng đoàn Giáo Hội cơ bản sẽ đáp ứng với ơn gọi căn bản nhất của họ. Đó là: Sau khi đã được nghe Tin Mừng và đặc biệt đã được đón nhận Tin Mừng, chính họ cũng sẽ sớm trở thành những người rao giảng Tin Mừng.

Chương VI

NHỮNG NGƯỜI RAO GIẢNG TIN MỪNG

Toàn thể Giáo Hội truyền giáo

59. Nếu có những người loan báo Tin Mừng cứu rỗi trong thế giới, chính là do lệnh truyền, nhân danh và với ân sủng của Đức Kitô, Đấng Cứu Thế. Vị rao giảng Tin Mừng vĩ đại nhất đã viết: “Rao giảng thế nào được nếu trước tiên người ta không nhận lãnh sứ mệnh” (Rm 10,15). Không ai có thể rao giảng nếu không được sai phái.

Vậy ai có sứ mệnh truyền bá Tin Mừng?

Công Đồng Vatican II đã trả lời rõ rệt “Do lệnh Chúa, Giáo Hội có trách nhiệm đi khắp thế gian và loan truyền Tin Mừng cho mọi tạo vật” (số 13, D.H). Trong một bản văn khác, Công Đồng cũng đã nói: “Toàn thể Giáo Hội là truyền giáo, việc Phúc Âm hóa là phận vụ căn bản của dân Chúa” (số 35 Ad.G.).

Ta đã nhắc đến mối liên hệ mật thiết này giữa Giáo Hội và việc Phúc Âm hóa. Khi Giáo Hội loan báo và xây dựng triều đại Thiên Chúa thì chính Giáo Hội cắm rễ sâu vào lòng thế giới như dầu chỉ và dụng cụ của triều đại hiện có và đang đến này.

Công Đồng đã lập lại lời nói rất ý nghĩa của Thánh Augustinô về hoạt động truyền giáo của mười hai tông đồ: “Khi rao giảng lời chân thật, các Ngài đã làm nảy sinh các giáo đoàn” (Augustinô, Enerrat In Ps 44123).

Truyền giáo là hành vi của Giáo Hội

60. Nói rằng Giáo Hội đã được sai phái và ủy thác đi Phúc Âm hóa thế giới là một nhận định bao gồm hai niềm xác tín:

Xác tín thứ nhất: Rao giảng Tin Mừng không phải là một việc làm cá nhân, lẻ loi, thuộc riêng một ai nhưng là một công việc của toàn thể Giáo Hội. Khi một nhà rao giảng, một người dạy giáo lý, hay một chủ chăm tâm thường nhất sống trong một miền xa xăm nhất, lên tiếng giảng Tin Mừng, quy tụ cộng đoàn nhỏ bé hay cử hành bí tích, dầu chỉ một mình, người đó cũng đã thực hiện một tác động của Giáo Hội và việc làm của người ấy chắc chắn liên kết với hoạt động rao giảng Tin Mừng của toàn thể Giáo Hội, không những bằng những tương quan thuộc định chế, nhưng còn bằng những sợi dây vô hình và những liên hệ thâm sâu của trật tự ân sủng nữa. Dĩ nhiên người đó làm thế không phải vì một sứ mệnh mình tự gán cho mình hay do một thúc đẩy cá nhân, nhưng vì hiệp thông với sứ mệnh của Giáo Hội và nhân danh Giáo Hội.

Xác tín thứ hai: Nếu mỗi người rao giảng Tin Mừng nhân danh Giáo Hội và chính Giáo Hội lại rao giảng theo lệnh truyền của Chúa thì không một nhà rao giảng nào có toàn quyền trên công cuộc rao giảng của mình để tùy ý thực hiện theo những tiêu chuẩn và những viễn tượng cá nhân mình, nhưng người đó phải

hiệp thông với Giáo Hội và với các chủ chăn của mình.

Như Ta đã nói, toàn thể Giáo Hội có nhiệm vụ truyền giáo. Điều này có nghĩa là Giáo Hội có trách nhiệm truyền bá Tin Mừng cho toàn thể thế giới và cho mỗi phần đất trong đó Giáo Hội hiện diện.

Giáo Hội phổ quát

61. Đến đây, Ta muốn cùng các Chư huynh và các con dừng lại trên một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong thời đại chúng ta. Trong các cử hành phụng vụ, trong những lời chứng trước các quan tòa và lý hình, trong những bản văn hộ giáo, các Kitô hữu sơ khai đã bộc lộ niềm tin sâu xa của mình vào Giáo Hội có tính cách phổ thế. Họ hoàn toàn ý thức mình thuộc về một cộng đoàn lớn lao mà không một không gian, thời gian nào giới hạn được: “Từ Abêlê người công chính đến người được chọn sau cùng” “Cho đến tận cùng trái đất” (Cvtd 1,8) “Cho đến tận thế” (Mt 28,20).

Chúa muốn Giáo Hội Ngài phải phổ quát như một cây lớn đến nỗi chim trời đến nương náu nơi cành nó (Mt 13,32), như một tấm lưới vớt được mọi thứ cá (Mt 13,17) hay như một mẻ lưới mà Phêrô kéo lên chứa đến 153 con cá lớn (Ga 21,11), hay như một đàn chiên chỉ có một chủ chăn (Ga 10, 1-16), một Giáo Hội phổ quát vượt mọi biên giới trừ biên giới chai đá của tội nhân.

Giáo Hội địa phương

62. Tuy nhiên trên thực tế, Giáo Hội phổ quát này hiện thân trong các Giáo Hội địa phương được thành lập với một phần nhân loại cụ thể, nói một ngôn ngữ riêng, thừa hưởng một di sản văn hoá, một vũ trụ quan, một quá khứ lịch sử, một vốn liếng nhân bản nhất định. Việc tiếp thu những điểm phong phú của Giáo Hội địa phương đáp ứng một cảm thức đặc biệt của con người thời nay.

Chúng ta đừng quan niệm Giáo Hội phổ quát như một tổng số hay như một liên bang không thuần nhất gồm các Giáo Hội địa phương rất khác nhau. Theo ý Chúa, Giáo Hội tuy phổ quát do ơn gọi và sứ mệnh, nhưng

một khi đã bén rễ trong những vùng văn hóa, xã hội, nhân sinh khác nhau, Giáo Hội lại mang những bộ mặt, những biểu hiện bên ngoài khác nhau tùy theo mỗi miền của thế giới.

Như vậy, một khi Giáo Hội địa phương tự ý cắt đứt khỏi Giáo Hội phổ quát thì Giáo Hội đó không còn sống đúng ý định của Chúa; nó tự làm nghèo chiều kích Giáo Hội của mình. Nhưng ngược lại, Giáo Hội “tràn lan khắp mặt đất” cũng sẽ chỉ là một ý niệm trừu tượng nếu nó không mang lấy hình thể và đời sống qua những Giáo Hội địa phương.

Chỉ khi nào chúng ta lưu ý đến cả hai sắc thái của Giáo Hội, chúng ta mới nhận thấy mối tương quan phong phú giữa Giáo Hội toàn cầu và Giáo Hội địa phương.

Sự thích nghi và trung thực của ngôn ngữ

63. Các Giáo Hội địa phương vì hòa hợp sâu xa với con người, với cả những khát vọng, những phong phú và giới hạn của nó, với những cách cầu nguyện, yêu thương, với những lối nhìn cuộc đời và thế giới, nghĩa

là với tất cả những gì tiêu biểu cho một xã hội nhân loại nào đó, do đó các Giáo Hội địa phương phải hấp thụ những điểm cốt yếu của Tin Mừng rồi trung thực chuyển sang ngôn ngữ mà những người trong xã hội đó hiểu được, và sau đó loan báo Tin Mừng bằng chính ngôn ngữ này.

Phải thực hiện việc chuyển hóa này một cách sáng suốt, nghiêm chỉnh, thận trọng và với khả năng chuyên môn tùy theo vấn đề đòi hỏi. Việc chuyển hóa này phải được thực hiện trong các lãnh vực phụng vụ, giáo lý, suy tư thần học, trong các cơ cấu thứ yếu của Giáo Hội, trong các thừa tác vụ. “Ngôn ngữ” ở đây phải hiểu trên bình diện nhân học và văn hóa hơn là trên bình diện ngữ học hay văn chương.

Vấn đề này chắc chắn tế nhị. Việc Phúc Âm hoá sẽ mất đi nhiều sức mạnh và hiệu lực, nếu người ta không để ý đến dân tộc cụ thể mà việc Phúc Âm hóa đang nhắm tới, nếu không dùng ngôn ngữ, dấu hiệu, biểu tượng của dân tộc đó đặt ra, nếu không liên kết với đời sống cụ thể của dân tộc đó. Nhưng đáng khác, người ta có thể bóp nghẹt việc Phúc Âm hóa và làm nó tiêu tan nếu đánh mất hay làm biến dạng nội dung

của nó lấy cớ là chuyển dịch nó, thay vì muốn thích ứng một thực tại phổ quát vào một không gian địa phương, mà người ta hy sinh thực tại này và phá vỡ sự duy nhất, mà không có duy nhất thì cũng không có phổ quát.

Chỉ Giáo Hội nào ý thức được tính cách phổ quát của mình và chứng tỏ được thực sự tính cách phổ quát của mình, thì Giáo Hội đó mới có thể có một sứ điệp khả dĩ được mọi người lắng nghe bên kia mọi giới hạn địa phương.

Giáo Hội chỉ trở nên phong phú nếu biết lưu tâm cách thích đáng đến những Giáo Hội địa phương. Điều đó cần thiết và khẩn cấp vì đáp ứng được những khát vọng thâm sâu nhất của các dân tộc và của các cộng đoàn xã hội đang muốn càng ngày càng tìm được khuôn mặt riêng của mình.

Hướng về Giáo Hội phổ quát

64. Nhưng sự phong phú này đòi hỏi các Giáo Hội địa phương phải giữ sự liên đới chặt chẽ với Giáo Hội phổ quát. Ngoài ra phải lưu ý rằng các Kitô hữu đơn

sơ nhất, trung thành với Tin Mừng nhất, có tinh thần Giáo Hội nhất, đều rất dễ nhạy cảm đối với chiều kích phổ quát này. Họ tự nhiên cảm thấy rất mạnh mẽ rằng cần phải có Giáo Hội phổ quát. Chính trong Giáo Hội đó mà họ dễ dàng nhận ra nhau. Họ cảm thông với Giáo Hội phổ quát và họ rất khó chịu khi người ta nhân danh những lý thuyết mà họ không hiểu để gò bó họ trong một Giáo Hội thiếu hẳn tính cách phổ quát, một Giáo Hội của riêng một vùng, một Giáo Hội hẹp hòi.

Và lại, như lịch sử chứng minh, khi một Giáo Hội địa phương, đôi lúc vì thiện chí, dựa vào những luận cứ thần học, xã hội, chính trị, mục vụ hay ước muốn được tự do sinh hoạt mà cắt đứt khỏi Giáo Hội phổ quát, khỏi trung tâm sống động và hữu hình của Giáo Hội, thì lúc đó nó rất khó mà thoát ra được hoặc may lắm mới thoát được hai nguy cơ trầm trọng này: “Một mặt, nguy cơ tự cô lập hóa để trở thành khô cằn rồi một thời gian ngắn sau, bị phân tán thành muôn mảnh, mỗi mảnh sẽ tách lìa nó như nó đã tách lìa khỏi Giáo Hội phổ quát. Nguy cơ thứ hai là mất hết tự do, vì một khi rời khỏi trung ương và khỏi những Giáo Hội địa phương khác đã truyền thông sức mạnh và

ngộ lực cho nó, Giáo Hội đó sẽ thấy mình đơn độc bị trao phó cho những thế lực áp chế và bóc lột”.

Một Giáo Hội địa phương càng hiệp thông chặt chẽ với Giáo Hội phổ quát trong tình bác ái và thành tín, trong việc tiếp nhận quyền giáo huấn của vị kế vị Thánh Phêrô, trong sự thống nhất về “luật cầu nguyện” cũng là “luật đức tin”, trong niềm ưu tư hiệp nhất với tất cả những Giáo Hội khác đang tạo nên Giáo Hội phổ quát, thì Giáo Hội đó càng có khả năng diễn đạt kho tàng đức tin trong những thể thức tuyên xưng đức tin tuy khác nhau nhưng chính đáng trong những hình thức cầu nguyện và tế tự khác nhau trong cuộc sống và cách sống Kitô hữu, trong cái tinh hoa của dân tộc trong đó Giáo Hội đang cùng sống. Hơn nữa, Giáo Hội đó càng là một Giáo Hội thực sự truyền giáo, nghĩa là có thể múc lấy nơi gia sản chung để làm lợi cho dân tộc mình cũng như truyền thông kinh nghiệm và sức sống của dân tộc mình cho mọi người.

Kho tàng bất biến của đức tin

65. Trong chiều hướng này, lúc bế mạc kỳ họp thứ ba của Thượng Hội Đồng Giám Mục, với tất cả ưu ái của một người cha, Ta đã nhấn mạnh một cách rõ ràng về vai trò của người kế vị Thánh Phêrô như là nguyên lý hữu hình, sống động của sự hiệp nhất giữa các Giáo Hội và cũng là tính cách phổ quát của Giáo Hội duy nhất. Ta cũng đã nhấn mạnh đến trách nhiệm nặng nề Ta phải gánh vác cùng với các Chư huynh trong chức vụ Giám Mục. Trách nhiệm đó đòi buộc chúng ta phải gìn giữ nguyên vẹn nội dung đức tin công giáo mà Chúa đã trao phó cho các tông đồ. Dù được diễn đạt trong mọi ngôn ngữ, nội dung này phải không bị tổn thương, không bị cắt xén. Dù mặc lấy những biểu tượng riêng biệt của mỗi dân tộc, khi được diễn giải bằng những từ ngữ thần học qua ảnh hưởng của những hoàn cảnh xã hội, văn hóa và chủng tộc khác nhau, nội dung này vẫn phải luôn luôn là nội dung đức tin công giáo y như quyền giáo huấn của Giáo Hội đã lãnh nhận và truyền đạt.

Những nhiệm vụ khác nhau

66. Vậy toàn thể Giáo Hội đều được mời gọi rao giảng Tin Mừng. Tuy nhiên, giữa lòng Giáo Hội,

chúng ta phải chu toàn những nhiệm vụ rao giảng khác nhau. Nhiệm vụ khác biệt trong cùng một sứ mệnh duy nhất sẽ làm phong phú và tăng vẻ đẹp của việc Phúc Âm hóa. Sau đây Ta sẽ lần lượt nhắc lại những nhiệm vụ này.

Trước hết, Ta nêu lên sự kiện này là trong Tin Mừng, Chúa Giêsu đã coi trọng việc trao phó cho các Tông đồ nhiệm vụ loan báo Lời Chúa. Ngài đã chọn các tông đồ (Ga 15,16; Mc 3,13-19; Lc 6,13-16), huấn luyện họ qua nhiều năm sống thân mật (Cvtd 1,21-22) đặt họ và sai họ (Mc 3,14-15; Lc 9,2) như những chứng nhân và thầy dạy có thẩm quyền của sứ điệp cứu rỗi. Và đến lượt mình, nhóm 12 đã sai phái những người kế vị họ; những người này cũng theo truyền thống của các tông đồ, lại tiếp tục truyền giảng Tin Mừng.

Người kế vị thánh Phêrô

67. Người kế vị thánh Phêrô, do ý định của Đức Kitô, mang lấy chức vụ ưu việt là giảng dạy chân lý mạc khải. Tân ước thường cho thấy Phêrô “đầy Thánh Thần” lên tiếng thay cho tất cả (Cvtd 4,8; x Cvtd

2,14; 3,12). Chính vì thế mà thánh Lêô Cả nói về thánh Phêrô như người giữ địa vị tối thượng trong việc tông đồ. Cũng vì thế mà Giáo Hội nhiều lần lên tiếng đặt vị Giáo Hoàng ở “tuyệt đỉnh của việc tông đồ”. Công Đồng Vatican II muốn xác định lại việc đó khi tuyên bố rằng: “mệnh lệnh của Chúa Kitô sai đi rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật (x. Mc 16,15) trước hết và trực tiếp nhắm tới các Giám Mục cùng với Phêrô và dưới quyền phêrô” (A.G số 38).

Quyền trọn vẹn, tối thượng và phổ quát mà Đức Kitô đã trao phó cho Vị đại diện của Ngài để điều khiển công việc mục vụ của Giáo Hội được Đức Giáo Hoàng đặc biệt hành xử trong hoạt động rao giảng và sai đi rao giảng Tin Mừng Cứu rỗi.

Các Giám Mục và linh mục

68. Hiệp nhất với Đấng kế vị Thánh Phêrô và những người kế vị các thánh tông đồ, các Giám Mục, nhờ thánh chức Giám Mục, đã lãnh nhận quyền dạy dỗ chân lý mạc khải trong Giáo Hội. Các Ngài là thầy dạy đức tin.

Các Giám Mục được trợ lực trong chức vụ rao giảng Tin Mừng bởi những người được thụ phong linh mục để “thay mặt Đức Kitô”. Các linh mục lãnh trách nhiệm với một danh nghĩa riêng là người giáo dục dân Chúa trong đức tin, giảng dạy cũng như cử hành bí tích Thánh Thể và các Bí tích khác.

Vậy chúng ta, các chủ chăn, tất cả chúng ta được mời gọi ý thức trách nhiệm này hơn là các phần tử khác trong Giáo Hội. Điều tạo nên nét đặc biệt của chức vụ tư tế của chúng ta, điều mang lại sự thống nhất sâu xa cho hàng nghìn công việc làm bận rộn chúng ta suốt ngày và suốt đời, điều đem lại cho những hoạt động của chúng ta một nét đặc thù, chính là mục đích luôn hiện diện trong mọi hoạt động của chúng ta : Đó là “loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa” (1Tx 2,9).

Có một điểm nổi bật trong con người của chúng ta mà không một sự nghi hoặc nào có thể làm tổn thương, không một phi bác nào có thể che khuất: Là những Mục tử, chúng ta được tuyển chọn do lòng nhân từ của Vị Mục Tử Tối Cao (1P 5,4) để, mặc dù bất xứng, chúng ta rao truyền Lời Chúa với uy quyền, để tập hợp dân Chúa đã bị phân tán, để nuôi dưỡng dân này

vời những dấu chỉ về tác động của Đức Kitô là các bí tích, để dẫn dắt họ trên đường cứu rỗi, để gìn giữ họ, trong mối duy nhất mà chúng ta là những dụng cụ sống động và, ở những mức độ khác nhau, không ngừng khích lệ cộng đoàn này tập họp quanh Chúa Kitô theo ơn gọi thâm sâu nhất của mình. Khi chúng ta hoàn tất điều đó với các giới hạn của con người và tùy theo sự trợ lực của ơn Chúa, đó là chúng ta thực hiện công cuộc Phúc Âm hóa. Ta, với tư cách Vị Chủ chăn của Giáo Hội phổ quát, và Chư huynh, các Giám Mục đứng đầu các Giáo Hội địa phương, các linh mục và phó tế liên kết với các Giám Mục và là cộng tác viên của các Ngài, nhờ sự hiệp thông bắt nguồn từ bí tích truyền chức và trong tình bác ái của Giáo Hội, tất cả chúng ta đều đang thực hiện công cuộc Phúc Âm hóa.

Các tu sĩ

69. Còn các tu sĩ, họ phải xem đời sống tận hiến của mình như một phương thế ưu tiên cho việc rao giảng Tin Mừng. Nhờ cuộc sống tận hiến sâu xa, họ tích cực hoạt động trong Giáo Hội, một Giáo Hội đang đói khát Thiên Chúa tuyệt đối, đang được mời gọi nên

thánh. Chính họ phải làm chứng cho sự thánh thiện này. Họ là hiện thân của một Giáo Hội đang mong muốn sống hoàn toàn theo tinh thần các mối phúc thật. Qua cuộc sống, họ là những dấu chỉ của tinh thần luôn sẵn sàng phục vụ Thiên Chúa, Giáo Hội và anh em. Vì vậy, họ có tầm quan trọng đặc biệt trong phạm vi làm chứng tá. Bởi vì như Ta đã quả quyết, chứng tá là yếu tố quan trọng nhất trong việc rao giảng Tin Mừng. Chứng tá thâm lặng của sự khó nghèo và từ bỏ, của sự trong sạch và tinh tuyền, của sự bỏ mình trong đức vâng lời, chứng tá đó có thể trở nên lời rao giảng hùng hồn khả dĩ đánh động ngay cả những người thiện chí ngoài Kitô giáo đang nhạy cảm về một số giá trị. Đồng thời chứng tá đó cũng là lời mời gọi vọng lên cho thế giới và cho chính Giáo Hội.

Trong viễn tượng ấy, người ta thấy được vai trò rao giảng Tin Mừng của các tu sĩ sống cầu nguyện, thanh lặng, sám hối và hy sinh. Phần lớn các tu sĩ khác thì trực tiếp lo việc loan báo Đức Kitô. Hoạt động truyền giáo của họ dĩ nhiên phải tùy thuộc vào Giáo quyền và phải phối hợp với việc mục vụ mà Giáo quyền muốn thi hành. Ai mà không thấy được sự đóng góp to lớn mà các tu sĩ đã mang lại và còn tiếp tục mang

lại cho việc Phúc Âm hóa? Nhờ việc tận hiến, họ tự nguyện và tự do từ bỏ mọi sự và ra đi rao giảng Tin Mừng cho đến tận cùng trái đất. Với tinh thần thảo vát, việc tông đồ của họ thường có nhiều sáng kiến và tài khéo rất đáng tán thưởng. Họ là những người quảng đại: Người ta thường thấy họ ở những tiền đồn truyền giáo, họ dám hy sinh sức khỏe và cả đến chính mạng sống nữa. Phải, Giáo Hội thật đã mang ơn họ rất nhiều.

Giáo dân

70. Với ơn gọi đặc biệt, người giáo dân sống giữa lòng đại chúng hay điều khiển những công việc trần gian khác nhau, vì thế, họ phải thực hiện một hình thức truyền giáo đặc biệt.

Nhiệm vụ đầu tiên và tức thời của họ không phải là thành lập và phát triển giáo đoàn, đó là nhiệm vụ riêng của các chủ chăn, nhưng là phát huy tất cả những khả năng của Kitô giáo và Tin Mừng còn đang còn đang ẩn dấu nhưng cũng đã hiện diện và tác động trong các thực tại trần thế. Cánh đồng dành cho hoạt động truyền giáo của giáo dân là cả một thế giới rộng

rãi và phức tạp của chính trị, xã hội, kinh tế và cả văn hóa, khoa học nghệ thuật, đời sống quốc tế, những phương tiện truyền thông cũng như một số thực tại khác đang được mở rộng chờ được Phúc Âm hóa như tình yêu, gia đình, giáo dục thiếu nhi và thanh niên, nghề nghiệp, đau khổ ... Càng có nhiều giáo dân thấm nhuần Tin Mừng, thấy mình có trách nhiệm về những thực tại này và thực sự dấn thân vào đó với khả năng điều động và ý thức mình phải biểu dương toàn năng lực của Kitô giáo thường bị chôn vùi và bóp nghẹt, thì những thực tại này càng góp phần xây dựng nước Chúa và sự cứu rỗi trong Đức Kitô mà không đánh mất hay hy sinh giá trị nhân loại của chúng, nhưng trái lại còn biểu lộ được tính cách siêu việt thường ít người biết đến.

Gia đình

71. Ngay giữa việc tông đồ của giáo dân, không thể không nói đến hoạt động rao giảng Tin Mừng của gia đình. Vào những giai đoạn lịch sử khác nhau, gia đình rất xứng đáng với danh hiệu tốt đẹp của nó “Giáo Hội tại gia” mà Công Đồng Vatican II đã tôn phong (x. L.G số 11).

Điều đó có nghĩa là mỗi gia đình Kitô giáo phải có những khía cạnh khác nhau của toàn thể Giáo Hội. Ngoài ra, gia đình cũng như Giáo Hội phải là nơi mà Tin Mừng được truyền tới và từ đó lan ra.

Vậy trong mỗi gia đình ý thức về sứ mệnh này, tất cả mọi phần tử đều phải rao giảng Tin Mừng và chính mình cũng được Phúc Âm hóa. Không những cha mẹ phải truyền đạt Tin Mừng cho con cái nhưng chính mình cũng có thể đón nhận nơi con cái chính Tin Mừng đó đã được sống một cách sâu xa. Và một gia đình như thế sẽ Phúc Âm hóa được nhiều gia đình khác và ngay cả môi trường mình đang sống.

Ngay cả những gia đình hôn nhân dị giáo cũng có nhiệm vụ loan báo Đức Kitô cho con cái mình với tất cả những gì mà bí tích rửa tội họ đã cũng chịu đòi hỏi. Những gia đình này có nhiệm vụ khó khăn là phải xây dựng sự hiệp nhất.

Những người trẻ

72. Hoàn cảnh hiện nay thôi thúc chúng ta lưu ý đặc biệt đến những người trẻ. Sự gia tăng về số lượng và

sự hiện diện ngày càng nhiều của họ trong xã hội, những vấn đề đang vây lấy họ, đánh thức mọi người phải nhiệt tâm và khôn ngoan lo lắng giúp đỡ họ hiểu biết và sống lý tưởng Tin Mừng. Ngoài ra, những người trẻ, một khi đã được đào tạo kỹ càng về đức tin và cầu nguyện, sẽ càng ngày càng trở nên những tông đồ cho giới trẻ. Giáo Hội tin tưởng rất nhiều vào sự đóng góp của họ và chính Ta đã nhiều lần bày tỏ sự tín nhiệm hoàn toàn vào giới trẻ.

Những chức vụ khác nhau

73. Như thế sự hiện diện tích cực của giáo dân trong những thực tại trần thế có một tầm mức quan trọng. Nhưng không phải vì thế mà người giáo dân được biếng trễ hay lãng quên một nhiệm vụ khác họ cũng có thể cảm thấy được mời gọi hay thực sự được mời gọi cộng tác với các chủ chăn để phục vụ cộng đoàn, vì sự phát triển và chính đời sống của cộng đoàn. Như thế họ thi hành những tác vụ khác nhau tùy theo ân điển hay đoàn sủng mà Chúa ký thác nơi họ.

Ta không thể không cảm thấy một niềm vui lớn khi nhìn thấy một đội ngũ đông đảo những chủ chăn, tu

sĩ, giáo dân đang tìm kiếm những phương thế thích hợp hơn để loan báo Tin Mừng cách hữu hiệu. Ta khuyến khích sự “mở rộng” mà ngày nay Giáo Hội đang thực hiện trong chiều hướng và ưu tư nói trên. “Mở rộng” trước tiên cho suy tư, và mở rộng cho các thừa tác vụ của Giáo Hội có khả năng làm trẻ trung và tăng cường nỗ lực truyền giáo của mình.

Chắc chắn bên cạnh những thừa tác vụ có chức thánh, nhờ đó một số người được gọi vào hàng ngũ các chủ chăn và đặc biệt hiến thân phục vụ cộng đoàn, Giáo Hội còn nhìn nhận chỗ đứng của các thừa tác vụ, tuy không có chức thánh nhưng có đủ khả năng đảm nhận một dịch vụ đặc biệt của Giáo Hội.

Nhìn vào những buổi đầu của Giáo Hội, chúng ta thấy rõ một kinh nghiệm lâu đời về vấn đề thừa tác vụ. Kinh nghiệm này càng có giá trị khi nó giúp củng cố, phát triển và bành trướng Giáo Hội. Tuy nhiên, tìm về nguồn gốc thôi chưa đủ mà còn phải lưu ý đến các nhu cầu hiện thời của nhân loại và Giáo Hội. Tìm về những nguồn luôn luôn đầy cảm hứng này, không hề hy sinh những giá trị này, tuy nhiên phải biết thích ứng với những đòi hỏi và nhu cầu hiện tại : Đó là

những điểm trực giúp ta tìm kiếm cách khôn ngoan làm sáng tỏ những thừa tác vụ mà Giáo Hội đang đến và nhiều chi thể trong Giáo Hội sẵn sàng đảm nhận để đáp ứng sức sống mãnh liệt của cộng đoàn Giáo Hội. Những thừa tác vụ này sẽ có giá trị mục vụ thật sự nếu được thiết lập trong sự tôn trọng tuyệt đối đối với sự hiệp nhất, và theo sự hướng dẫn của các chủ chăn, là những người thực sự có trách nhiệm và là những người xây dựng sự hiệp nhất của Giáo Hội.

Những thừa tác vụ như thế, tuy có vẻ mới mẻ, nhưng gắn liền với những kinh nghiệm mà Giáo Hội đã trải qua trong suốt lịch sử. Chúng ta có thể kể đến thừa tác vụ dạy giáo lý, xướng kinh và xướng hát, thừa tác vụ của những tín hữu tận tâm phục vụ Lời Chúa hay giúp đỡ anh em đang túng thiếu, thừa tác vụ của những người phụ trách các cộng đoàn nhỏ, thừa tác vụ của những người hữu trách trong các phong trào hoạt động tông đồ hay những phong trào khác. Tất cả những thừa tác vụ này đều rất quý báu cho việc thành lập và sinh trưởng của Giáo Hội cũng như cho việc soi sáng cho những người chung quanh và cả đến những người ở xa Giáo Hội. Ta cũng bày tỏ lòng quý mến đặc biệt đối với tất cả những giáo dân đã chấp

nhận hy sinh một phần thì giờ, một phần năng lực và đôi khi cả cuộc sống để giúp cho việc truyền giáo.

Tất cả những người thợ loan truyền Tin Mừng cần phải được chuẩn bị kỹ càng nhất là đối với những ai hy sinh phục vụ Lời Chúa. Vì không ngừng xác tín về sự cao cả và phong phú của Lời Chúa, nên những ai có nhiệm vụ truyền đạt Lời Chúa cần phải chú ý nhiều đến giá trị, sự chính xác và ngôn ngữ của mình. Ai cũng biết rằng, thuật hùng biện ngày nay có tầm quan trọng rất lớn. Các giảng viên và những người dạy giáo lý có thể coi thường được.

Chương VII

TINH THẦN CỦA VIỆC RAO GIẢNG TIN MỪNG

Tiếng gọi khẩn thiết

74. Ta không muốn kết thúc cuộc đàm thoại này với chư huynh và các con yêu quý không đề cập đến những thái độ nội tâm cần hun đúc những người thợ loan truyền Tin mừng.

Thật vậy, nhân danh chính Chúa Kitô và nhân danh hai Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô, Ta muốn khuyên bảo những ai, nhờ đoàn sủng của Thánh Linh và ủy quyền của Giáo Hội trở thành những nhà rao giảng Tin Mừng đích thực, họ phải sống xứng đáng với ơn gọi này, phải thi hành ơn gọi không mảy may do dự hay sợ hãi, không được coi thường những điều kiện chẳng những làm cho việc rao giảng Tin Mừng có thể thực hiện được mà còn trở nên linh động và hiệu quả. Giữa bao điều kiện khác, Ta lưu ý đến những điều kiện căn bản sau:

Dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần

75. Không bao giờ có thể rao giảng Tin Mừng nếu không có sự tác động của Chúa Thánh Thần. Thánh Thần đã xuống trên Chúa Giêsu Nazarét lúc Ngài chịu phép rửa. Tiếng Chúa Cha phán khi ấy “Con là Con yêu dấu, là Người Con Ta sủng ái” (Mt 3,17) biểu lộ sự tuyển chọn và sứ mệnh của Ngài. Chính nhờ Thánh Thần hướng dẫn Ngài đã trải qua trong sa mạc cuộc chiến đấu quyết liệt và một cuộc thử thách cam go trước khi mở đầu sứ mệnh (Mt 4,1) mà Ngài đã trở về Galilê, bắt đầu rao giảng, và áp dụng đoạn sách Tiên tri Isaia cho chính mình: “Thánh Thần Chúa ngự trên Tôi”. Ngài tuyên bố: “Hôm nay lời Kinh Thánh này đã được ứng nghiệm” (Lc 4,18 – 21). Đối với các môn đệ sắp được sai đi, Ngài nói và thở hơi trên họ: “Các con hãy lãnh nhận Thánh Thần ” (Ga 20, 22).

Thật ra, chỉ sau khi Thánh Thần đến vào ngày lễ Hiện xuống, các tông đồ mới đi khắp chân trời thế giới để khởi sự công cuộc truyền giảng Tin Mừng của Giáo Hội. Thánh Phêrô đã giải thích biến cố này như một sự thực hiện của lời Tiên tri Joel: “ Ta sẽ đổ tràn đầy

Thánh Thần Ta” (Cvtd 2,17). Thánh Phêrô đã được tràn đầy Chúa Thánh Thần để nói về Đức Giêsu Kitô, con Thiên Chúa cho dân chúng (Cvtd 4,8). Thánh Phaolô cũng tràn đầy Thánh Thần (Cvtd 9,17), trước khi dấn thân vào sứ mạng tông đồ, thánh Stêphanô cũng vậy khi ngài được chọn làm phó tế sau đó đổ máu làm chứng (Cvtd 6,5). Thánh Thần khiến Phêrô, Phaolô và nhóm mười hai nói, đặt vào miệng họ những lời phải công bố, Thánh Thần cũng xuống “trên những người nghe Lời Chúa” (Cvtd 10, 44).

Chính nhờ sự trợ lực của Thánh Thần mà Giáo Hội lớn mạnh. Chúa Thánh Thần là linh hồn của Giáo Hội, chính Ngài giải thích cho các tín hữu biết ý nghĩa sâu xa của lời giảng dạy và mầu nhiệm con người của Đức Kitô. Ngày nay cũng như buổi đầu của Giáo Hội, Chúa Thánh Thần hoạt động trong mỗi nhà truyền giảng Tin Mừng, nếu họ để Ngài chiếm hữu và hướng dẫn, Ngài đặt nơi môi miệng họ những lời mà một mình họ không thể tìm ra, đồng thời sửa soạn tâm hồn của những người nghe để họ mở rộng đón nhận Tin Mừng và nước trời đang được loan báo.

Những kỹ thuật truyền giảng Tin Mừng đều tốt nhưng dù hoàn bị nhất cũng không thể thay thế hoạt động âm thầm của Chúa Thánh Thần. Không có Thánh Thần, công khó chuẩn bị kỹ lưỡng nhất của nhà rao giảng cũng không mang lại được gì. Không có Ngài các biện luận vững chắc nhất cũng bất lực đối với trí óc con người. Không có Ngài, những lược đồ xã hội và tâm lý soạn thảo kỹ lưỡng nhất cũng mau mất hết giá trị.

Trong Giáo Hội chúng ta đang sống những giờ phút đặc biệt của Thánh Thần. Khắp nơi, người ta tìm cách nhận biết Ngài hơn đúng như Thánh Kinh mạc khải. Người ta hân hạnh để Ngài điều động, người ta tụ họp quanh Ngài, người ta muốn để cho Ngài dẫn dắt.

Vậy, nếu như Thánh Thần Thiên Chúa có một chỗ ưu việt trong cả cuộc sống Giáo Hội, thì chính trong việc truyền giáo của Giáo Hội Ngài hoạt động mạnh mẽ hơn cả. Không phải ngẫu nhiên mà công cuộc rao giảng Tin Mừng đã khởi đầu vào sáng hôm lễ ngũ tuần, dưới sự thổi hơi của Chúa Thánh Thần .

Người ta có thể nói Chúa Thánh Thần là tác nhân chính của việc rao giảng Tin Mừng : chính Ngài thúc đẩy mỗi người loan truyền Tin Mừng và cũng chính Ngài tác động trong thâm cung tâm hồn để giúp người ta chấp nhận và hiểu biết Lời cứu rỗi. Nhưng người ta cũng có thể nói Chúa Thánh Thần là chung cục của việc rao giảng Tin mừng: chỉ mình Ngài gây ra cuộc sáng tạo nhân loại mới và việc rao giảng phải hướng đến và có đặc tính là thống nhất trong khác biệt, đặc tính mà việc rao giảng Tin Mừng đã muốn tạo nên trong cộng đoàn Kitô hữu. Nhờ Ngài Tin Mừng đi sâu vào lòng thế giới, bởi vì chính Ngài giúp nhân ra những thời điểm, những dấu hiệu của Chúa, mà việc rao giảng Tin Mừng khám phá ra và khai thác ngay ở giữa lòng lịch sử.

Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1974 đã nhấn mạnh rất nhiều vào vị thế của Chúa Thánh Thần trong việc Phúc Âm hóa. Thượng Hội Đồng bày tỏ ước nguyện là các mục tử và các thần học gia, và Ta cũng có thể nói thêm là cả các tín hữu nhờ phép rửa tội mang ấn tín của Chúa Thánh Thần, hãy nghiên cứu nhiều hơn về bản chất và cách hoạt động của Thánh Thần trong việc Phúc âm hóa ngày nay. Đó là ước

nguyện của Ta khi Ta khuyến khích bất kỳ nhà rao giảng Tin Mừng nào cũng đều phải không ngừng kêu cầu Thánh Thần cách tin tưởng, nhiệt tâm và khôn ngoan để Ngài dẫn dắt và giữ địa vị then chốt khi đề ra mọi chương trình, mọi sáng kiến và hoạt động rao giảng Tin Mừng của họ.

Những người chứng chân thực

76. Giờ đây, chúng ta nhìn đến chính bản thân người rao giảng Tin Mừng. Thời nay, người ta thường hay lặp đi lặp lại rằng thế kỷ này thêm khát sự chân thực. Nhất là đối với giới trẻ, người ta nói rằng họ ghê tởm sự giả trá, ngụy tạo và trên hết mọi sự họ tìm kiếm sự thật, sự trong suốt.

Những “thời điểm này” phải làm cho chúng ta tỉnh thức. Người ta vẫn luôn luôn đặt câu hỏi cách âm thầm hay lớn tiếng: “Anh có thực sự tin điều anh loan truyền không? Anh có sống đều anh tin không? Anh có thực sự rao giảng điều anh sống không? Hơn bao giờ hết, cái chứng tích đời sống đã trở nên một điều kiện thiết yếu cho hiệu quả thâm sâu của việc rao giảng. Chính vì thế, chúng ta đây, trong một mức độ

nào đó, đều có trách nhiệm về bước tiến của Tin Mừng mà chúng ta loan truyền.

Ngay ở đầu bài suy niệm này, Ta đã tự hỏi: “Mười năm sau khi công đồng kết thúc, Giáo Hội hiện như thế nào? Giáo Hội có cắm neo giữa lòng thế giới chưa? Giáo Hội có khá tự do và độc lập để ngỏ lời với thế giới không? Giáo Hội có làm chứng cho sự liên đới giữa người với người và đồng thời làm chứng cho Thiên Chúa Tuyệt Đối không? Giáo Hội có hăng say hơn trong việc chiêm niệm và thờ lạy, có nhiệt thành hơn trong việc truyền giáo, bác ái và giải phóng không? Giáo Hội có càng ngày càng dấn thân vào các nỗ lực nhằm tái lập sự hợp nhất hoàn toàn giữa các Kitô hữu không, vì chính sự hiệp nhất này sẽ là một chứng tá hiệu nghiệm “để thế giới tin” (Ga 17, 21). Tất cả chúng ta có trách nhiệm trả lời những câu hỏi này.

Vậy Ta nhắc nhở các chư huynh trong hàng Giám Mục là những người đã được Thánh Thần cất đặt để điều khiển Giáo Hội (Cvtd 20,28). Ta nhắc nhở các Linh Mục và các Phó tế, những cộng tác viên của Giám Mục trong việc tụ tập dân Chúa và cổ vũ đời

sống thiêng liêng của các cộng đoàn địa phương. Ta nhấn nhủ tu sĩ, những chứng nhân của một Giáo Hội được mời gọi nên thánh và là những người tận hiến làm chứng cho các mối phúc thật. Ta nhấn nhủ các giáo dân: các gia đình công giáo, những người trẻ và những người trưởng thành, tất cả những người đang làm việc trong bất cứ ngành nghề nào, những người lãnh đạo, cả những người nghèo khổ nhưng thường giàu lòng tin cậy, tất cả mọi giáo dân đang ý thức về vai trò rao giảng Tin Mừng để phục vụ Giáo Hội hoặc giữa lòng xã hội và thế giới. Ta nhấn nhủ với tất cả mọi người : lòng nhiệt thành truyền giáo của chúng ta phải được xuất phát từ sự thánh thiện thật sự của một cuộc sống được nuôi dưỡng bằng cầu nguyện, và nhất là bằng lòng yêu mến đối với phép Thánh Thể. Hơn nữa, như Công Đồng đã nêu rõ việc rao giảng cũng phải làm cho người rao giảng lớn lên trong đường thánh thiện.

Thế giới mặc dầu đã tỏ ra muôn ngàn dấu hiệu khước từ Thiên Chúa, nhưng thực ra lại đang đi tìm Người bằng những đường lối bất ngờ và đang thiết tha cảm thấy cần có Người. Thế giới kêu nài những người rao giảng Tin Mừng hãy nói về một Thiên Chúa mà họ đã

biết và tiếp xúc như thể thấy Đấng Vô hình (x. Dt 11, 21). Thế giới kêu nài và mong thấy nơi nơi chúng ta một đời sống đơn sơ, tinh thần cầu nguyện, tình bác ái đối với mọi người, nhất là đối với trẻ em và người nghèo. Thế giới mong thấy nơi chúng ta sự vâng phục và khiêm tốn, sự siêu thoát và từ bỏ chính mình và mọi sự. Nếu không có dấu hiệu về sự thánh thiện này thì những lời của chúng ta khó mà đi vào lòng con người thời đại hôm nay. Nó có nguy cơ trở thành uổng công và vô hiệu.

Những người xây dựng hiệp nhất

77. Sức mạnh của việc rao giảng Tin Mừng sẽ giảm sút nhiều nếu những người loan truyền chia rẽ nhau bằng mọi rạn nứt. Phải chăng đó không phải là một khó khăn lớn cho việc phúc âm hóa ngày nay? Thật vậy, nếu Tin Mừng chúng ta rao giảng bị xâu xé bởi những tranh biện về giáo thuyết, những phân rẽ về ý thức hệ hay những kết án lẫn nhau giữa các Kitô hữu vì những cái nhìn khác nhau về Đức Kitô, về Giáo Hội, và ngay cả vì những quan niệm khác nhau về xã hội và các thể chế nhân loại, nếu có sự xâu xé như thế, thì làm sao những người nghe chúng ta rao giảng

không cảm thấy bối rối, lạc hướng, nếu không muốn nói là bực tức?.

Lời di chúc thiêng liêng của Chúa cho chúng ta hiểu rằng sự hiệp nhất giữa các môn đệ Ngài không những chỉ là bằng chứng chúng ta là môn đệ Ngài, nhưng còn là bằng chứng Ngài được Chúa Cha sai đến và đó cũng là thách thức về sự đáng tin của các Kitô hữu và của chính Đức Kitô.

Là những người rao giảng Tin Mừng, chúng ta phải đưa ra cho các tín hữu của Đức Kitô, không phải hình ảnh của những con người bị chia rẽ bởi những tranh chấp không chút xây dựng, nhưng là hình ảnh của những con người trưởng thành trong Đức tin, có khả năng gặp nhau bên trên những căng thẳng thực tế, nhờ việc cùng nhau tìm kiếm chân lý cách chân thành và vô vị lợi. Đúng thế, số phận của việc rao giảng Tin Mừng liên kết chặt chẽ với chứng tá hiệp nhất của Giáo Hội. Đó vừa là nguồn trách nhiệm và cũng là nguồn an ủi.

Về điểm này, Ta muốn nhấn mạnh rằng, dấu chỉ hiệp nhất giữa các Kitô hữu là đường lối và khí cụ của việc

Phúc Âm hóa. Việc chia rẽ giữa các Kitô hữu là một tình trạng nghiêm trọng làm hoen ố công cuộc của Chúa Kitô. Công đồng Vatican II đã xác quyết cách minh bạch và mạnh mẽ rằng: “Sự chia rẽ giữa các Kitô hữu gây tai hại cho công việc rất thánh thiện là rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo, và còn khấp kín con đường đưa tới đức tin đối với nhiều người” (A.G. số 6). Đó là lý do tại sao, khi công bố năm thánh, Ta cần phải nhắc nhở cho mọi tín hữu công giáo trên thế giới rằng: “Muốn cho mọi người hòa giải với Thiên Chúa, Cha của chúng ta, thì tiên vàn, phải tái lập sự hiệp thông giữa những người có đức tin, đã nhận biết và đón nhận Đức Kitô như là Chúa của lòng thương xót, và là Đấng giải phóng mọi người và nối kết họ trong Thánh Thần Tình Yêu và Chân Lý”.

Do đó, Ta tràn đầy hy vọng khi nhìn ngắm những cố gắng đang diễn ra trong thế giới Kitô giáo nhằm tái lập sự hiệp nhất toàn vẹn như Đức Kitô mong muốn. Thánh Phaolô đã đảm bảo cho chúng ta: “hy vọng không làm ta tủi hổ” (Rm 5,5). Ta không ngừng nỗ lực để được Chúa ban sự hiệp nhất toàn vẹn, do đó Ta muốn mọi người gia tăng cầu nguyện. Ngoài ra, như Thượng Hội Đồng Giám Mục kỳ III đã mong muốn,

Ta cũng mong muốn rằng cần phải cương quyết cộng tác hơn với các anh em Kitô hữu mà chúng ta chưa hiệp nhất cách đầy đủ, để dựa trên bí tích rửa tội và di sản đức tin chung, ngay từ bây giờ mọi người đều hợp tác trong công cuộc rao giảng Tin Mừng và cùng nhau làm chứng cho Đức Kitô trong thế giới một cách rộng rãi hơn. Chúng ta được thúc đẩy để là như thế là do mệnh lệnh của Đức Kitô. Đó là một đòi hỏi của việc rao giảng và làm chứng cho Tin Mừng.

Những người phục vụ của chân lý

78. Tin Mừng mà chúng ta có trọng trách rao giảng cũng là lời chân lý. Chân lý đem lại tự do (Ga 8,32) và chỉ nó mới ban sự bình an tâm hồn, đó chính là những điều người ta tìm kiếm khi đến nghe chúng ta rao giảng Tin Mừng. Chân lý về Thiên Chúa, chân lý về con người và số phận huyền nhiệm của con người, chân lý về thế gian. Đó là chân lý khó khăn mà chúng ta tìm được trong Lời Chúa và chúng ta không phải là chủ, là người sở hữu nhưng chỉ là người quản lý, người phát ngôn và đầy tớ phục vụ chân lý đó.

Người ta mong đợi nhà rao giảng Tin Mừng phải tôn trọng chân lý, nhất là cái chân lý mà họ đào sâu và truyền đạt không gì khác hơn là chân lý mạc khải, và vì thế, hơn bất cứ chân lý nào khác, nó chỉ là một phần của chân lý nguyên thủy là chính Thiên Chúa. Vậy người rao giảng Tin Mừng phải là người dám hy sinh đến độ quên mình và đau khổ không ngừng để không ngừng tìm kiếm chân lý mà họ phải truyền đạt cho người khác. Người đó không bao giờ được phản bội hay che đậy chân lý vì muốn làm vui lòng người nghe, vì muốn gây ngạc nhiên, vì muốn tạo nên giựt gân, hay vì muốn lập dị háo danh. Người đó không được chối bỏ chân lý, không làm lu mờ chân lý mạc khải vì nhác tìm kiếm, vì ngại phiền phức hay vì sợ hãi. Người đó không được phép khinh thường việc nghiên cứu. Người đó phải phục vụ chân lý cách quảng đại mà không kiềm chế chân lý.

Hỡi những mục tử của Dân trung tín, vì mục vụ của chúng ta thôi thúc chúng ta phải gìn giữ, bảo vệ, truyền đạt chân lý mà không ngại hy sinh. Biết bao vị chủ chăn ưu tú và thánh thiện đã để lại cho chúng ta tấm gương của lòng yêu mến chân lý này, nhiều khi tới mức anh hùng. Thiên Chúa của Chân lý mong

thấy nơi chúng ta những con người luôn tỉnh thức để bảo vệ chân lý và là những nhà rao giảng tận tình.

Hỡi các tiến sĩ, dù các con là những nhà thần học, chú giải, hay sử gia, việc Phúc Âm hóa cần đến công lao tìm kiếm không biết mệt mỏi của các con cũng như sự lưu tâm và tế nhị của các con trong việc truyền đạt chân lý mà các nghiên cứu đã đưa các con đến gần. Nhưng chân lý đó luôn cao trọng hơn quả tim con người, vì đó là chân lý của Thiên Chúa.

Hỡi các bậc làm cha mẹ và thầy giáo, các con có nhiệm vụ giúp đỡ con cái và học sinh trong việc khám phá chân lý, kể cả chân lý tôn giáo và thiêng liêng. Đó là một nhiệm vụ khó khăn vì ngày nay thường có nhiều cuộc tranh chấp.

Do tình yêu khích động

79. Công việc Phúc Âm hóa đòi hỏi người rao giảng phải có một tình huynh đệ luôn lớn mạnh đối với những người mình truyền giảng. Mẫu gương của người truyền giảng Tin Mừng là Thánh Phaolô tông đồ đã viết cho tín hữu Thesalonica lời sau đây mà tất cả

chúng ta có thể lấy làm chương trình hành động: “Chúng tôi thật gắn bó với anh em đến nỗi không chỉ muốn chia sẻ Tin Mừng của Thiên Chúa với anh em mà còn thí cả mạng sống chúng tôi nữa, bởi chung anh em trở nên những người thân mến của chúng tôi” (1Tx 2,8). Tình yêu này là gì? Hơn cả tình cảm của một nhà giáo, đó là tình yêu của một người cha và hơn thế nữa đó là tình yêu của một người mẹ. Chính Đức Kitô mong đợi nơi mỗi nhà rao giảng Tin Mừng, nơi mỗi người thợ xây dựng Giáo Hội thứ tình yêu này. Một dấu chỉ của tình yêu này chính là biết lo lắng ban phát chân lý và dẫn tới hiệp nhất. Một dấu chỉ khác đó là tận hiến hoàn toàn cho việc loan báo Đức Kitô. Ta xin đề cập thêm vài dấu chỉ khác của tình yêu này.

Trước hết là tôn trọng tình trạng tôn giáo và tinh thần của những người mà ta rao giảng. Tôn trọng tiết độ của họ mà ta không có quyền cưỡng ép. Tôn trọng lương tâm và xác tín của họ để không cưỡng bách họ.

Một dấu chỉ khác của tình yêu này là biết lo lắng không làm tổn thương người khác, nhất là những người còn yếu đức tin (x, 1Cr 8,9-13 ; Rm 14,15)

bằng những lời nói tuy có thể rõ ràng đối với những người thông thạo, nhưng đối với các tín hữu thì đó có thể là nguồn bối rối và vấp phạm như một vết thương lòng.

Một dấu chỉ của tình yêu này là biết nỗ lực truyền đạt cho những Kitô hữu không phải những ngờ vực, những hồ nghi phát sinh từ những nghiên cứu uyên thâm chưa được hấp thụ, nhưng là những điều chắc chắn vững vàng vì ăn sâu trong Lời Chúa. Các tín hữu cần những điều vững chắc này cho đời sống Kitô giáo của họ. Họ có quyền đòi được thỏa mãn nhu cầu, bởi vì với tư cách là con cái Chúa họ hoàn toàn phó thác cho những đòi hỏi của tình yêu, trong tay Chúa.

Với nhiệt tâm của các thánh

80. Lời kêu gọi của Ta được cảm hứng từ lòng nhiệt thành của các vị rao giảng và truyền bá Tin Mừng vĩ đại nhất đã hiến cả cuộc đời cho việc Tông đồ. Trong số đó, Ta hân hoan đề cao những vị mà trong suốt Năm Thánh Ta đã đề nghị tín hữu tôn kính. Các Ngài đã biết vượt qua nhiều trở lực để rao giảng Tin Mừng.

Thời đại chúng ta cũng có nhiều trở ngại, trong số đó Ta muốn đề cập đến việc thiếu lòng nhiệt thành. Nó càng trầm trọng hơn vì phát xuất từ bên trong. Nó biểu lộ trong sự mệt mỏi và chán chường, trong sự chiếu lệ và hờ hững, và nhất là thiếu niềm vui và trông cậy. Vậy Ta nhấn nhủ tất cả những người có trách nhiệm rao giảng Tin Mừng, dù ở địa vị hay mức độ nào cũng phải nuôi dưỡng trong mình lòng nhiệt thành (Rm 12,11).

Trước tiên, lòng nhiệt thành đòi hỏi chúng ta phải tránh lối lý luận nguy hiểm có thể làm chúng ta trốn tránh việc rao giảng Tin Mừng. Nguy hại nhất chắc chắn là luận cứ mà người ta tưởng có nền tảng trong một số giáo huấn của Công đồng.

Chẳng hạn, chúng ta thường nghe nói: áp đặt một chân lý, dẫu là chân lý của Tin Mừng, cưỡng bách theo một con đường, dù là con đường cứu rỗi, đều là vi phạm tự do tôn giáo. Ngoài ra có người thêm rằng cần gì phải loan báo Tin Mừng, vì mọi người đều được cứu rỗi nếu ăn ngay ở lành. Và lại, nếu thế giới và lịch sử tràn đầy Hạt giống của Ngôi Lời thì phải chăng không là ảo tưởng khi muốn mang Tin Mừng

đến nơi đã tràn đầy những hạt giống do chính Chúa gieo vãi?

Bất cứ ai chịu khó đào sâu những vấn nạn này trong các văn kiện Công Đồng đều thấy rằng những lý luận trên đã dựa vào Công Đồng một cách quá hời hợt và sẽ tìm thấy một cái nhìn thực tế khác hẳn.

Áp đặt bất cứ điều gì trên lương tâm anh em chúng ta chắc chắn là một sai lầm. Nhưng, trình bày cho lương tâm này chân lý Tin Mừng và con đường cứu rỗi trong Đức Kitô một cách minh bạch, và tuyệt đối tôn trọng những lựa chọn tự do của con người, tránh “mọi cách thức hoạt động có tích cách đè nén, quyến rũ cách bất chính hay kém ngay thẳng” (X, Dig. Hu. Số 4), điều đó không phải là xâm phạm tự do tôn giáo mà chính là tôn trọng quyền tự do ấy, bằng cách tạo điều kiện để cho lương tâm chọn một con đường mà cả những người không tin cũng nhận thấy là cao thượng và phấn khởi. Vậy có phải là vi phạm quyền tự do của người khác không nếu ta hân hoan loan báo Tin Mừng mà ta đã nhận biết nhờ tình thương của Chúa? và vì sao chỉ có những sự dối trá, sai lầm, truy lục và khiêu dâm mới có quyền được trình bày và thường được áp

đặt bởi sự quảng bá tai hại của các phương tiện truyền thông, bởi sự khoan dung của pháp luật, bởi sự sợ sệt của những người tốt và sự dạn dĩ của những kẻ xấu? Phương cách trình bày về Đức Kitô và vương quốc của Ngài với một sự tôn trọng đầy đủ đối với người khác như đã trình bày ở trên không những là một quyền lợi mà hơn nữa còn là một bổn phận của người rao giảng Tin Mừng. Đáng khác, mọi người ai cũng có quyền đón nhận nơi người rao giảng sự loan báo Tin Mừng cứu rỗi, vì mọi người đều là anh em của họ. Ôn cứu rỗi này, Thiên Chúa có thể thực hiện nơi những kẻ Ngài muốn bằng những đường lối khác thường mà chỉ mình Ngài biết được. Tuy nhiên, nếu Con của của Ngài đã đến, chính là để mạc khải cho chúng ta con đường cứu rỗi bình thường bằng lời nói và đời sống của Ngài. Và Ngài đã truyền cho chúng ta phải chuyển đạt cho kẻ khác mạc khải này với cùng một quyền lực như Ngài. Thật không phải là vô ích, nếu mỗi Kitô hữu và mỗi nhà rao giảng Tin Mừng biết đào sâu tư tưởng sau đây trong khi cầu nguyện : Con người cũng có thể được cứu rỗi bởi nhiều đường lối khác nhờ lòng thương xót của Chúa, cho dầu chúng ta không loan truyền Tin Mừng cho họ. Nhưng chúng ta, nếu vì lười biếng, sợ sệt, hay “hở thẹn vì

Tin Mừng” (Rm 1,16), hay vì chiều theo những tư tưởng sai lầm mà chúng ta không loan truyền Tin Mừng, thì liệu chúng ta có thể được cứu rỗi không ? Vì như vậy, chúng ta phản lại lời kêu gọi của Thiên Chúa, Đáng muốn làm cho hạt giống nảy mầm nhờ tiếng nói của các thừa tác viên Tin Mừng. Hạt giống này có thể trở thành cây lớn và nở sinh hoa trái hay không là tùy thuộc chúng ta.

Vậy chúng ta hãy giữ lòng nhiệt thành. Hãy bảo tồn niềm vui dịu dàng và niềm an ủi được rao giảng, ngay cả lúc phải gieo trong nước mắt. Ước gì việc rao giảng đối với chúng ta cũng như đối với Gioan Tẩy Giả, đối với Phêrô và Phaolô và các Tông đồ khác cũng như đối với vô số nhà rao giảng, đáng thán phục khác trong suốt lịch sử của Giáo Hội, ước gì việc rao giảng là một sự phấn khởi nội tâm mà không ai, không một gì có thể dập tắt được. Ước gì đó là niềm vui lớn lao của đời sống tận hiến của chúng ta. Và ước gì thế giới hôm nay đang tìm kiếm trong lo âu hoặc hy vọng, có thể đón nhận Tin Mừng, không phải từ những nhà rao giảng buồn bã hay thất vọng, bồn chồn hay lo âu, nhưng từ những thừa tác viên của Tin Mừng có đời sống đầy nhiệt thành vì đã đón nhận

niềm vui của Đức Kitô và chấp nhận xem thường mạng sống để cho Nước Trời được rao giảng và Giáo Hội được ăn sâu vào giữa lòng thế giới.

Chương VIII

KẾT LUẬN

Huấn thị của Năm Thánh

81. Hỡi Chư huynh và các con, những gì Ta mới trình bày là tiếng kêu vọng kêu vọng lên từ đáy lòng Ta, hòa điệu với tiếng nói của các Chư huynh đã về tham dự Thượng Hội Đồng Giám Mục kỳ III. Đó là Huấn thị mà Ta muốn ban hành khi kết thúc năm Thánh, năm mà hơn bao giờ hết, Ta thấy được những nhu cầu và những tiếng kêu của vô số anh em Kitô hữu cũng như ngoài Kitô giáo, họ đang mong đợi nơi Giáo Hội Lời Cứu Rỗi.

Ước gì ánh sáng của Năm Thánh đã bùng lên trong các Giáo Hội địa phương và ở Roma làm cho hàng triệu tâm hồn hòa giải với Thiên Chúa, thì sau năm Toàn xá, qua chương trình hoạt động mục vụ mà việc

loan báo Tin Mừng là một khía cạnh chính yếu, ước gì ánh sáng đó cũng sẽ chiếu tỏa cho những năm đứng trước thêm một kỷ nguyên mới ; đó cũng là ngưỡng cửa năm thứ 2000 của Kitô giáo.

Maria Ngôi Sao sáng của việc Phúc Âm hóa

82. Ta vui mừng đặt ước nguyện này vào giữa đôi tay và Trái Tim của Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm mà hôm nay Giáo Hội đặc biệt kính nhớ nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày bế mạc Công Đồng Vatican II. Buổi sáng ngày lễ ngũ Tuần, Mẹ đã chủ tọa buổi cầu nguyện khởi đầu công cuộc rao giảng Tin Mừng dưới tác động của Chúa Thánh Thần. Ước gì Mẹ là ngôi sao dẫn đường cho công cuộc rao giảng Tin Mừng mỗi ngày một thêm canh tân mà Giáo Hội, vâng theo mệnh lệnh của Chúa, phải cố võ và thực hiện, nhất là trong thời kỳ đầy khó khăn và hy vọng này.

Nhân danh Đức Kitô, Ta chúc lành cho anh em, cho các con, cho các cộng đoàn, gia đình và tất cả những người thân yêu của anh em và các con, với những lời mà Thánh Phaolô đã chúc cho các tín hữu Philipphê: “Tôi tạ ơn Chúa khi nhớ đến anh em luôn luôn trong

mọi lời tôi cầu cho anh em hết thủy, tôi vui sướng dâng lên lời cầu ấy bởi vì tôi nhớ đến phần đóng góp của anh em vào việc rao giảng Tin Mừng (.....). Tôi ôm ấp anh em trong lòng tôi (.....) trong khi bảo vệ và củng cố Tin Mừng, anh em hết thủy đều thông phần vào ân sủng tôi đã được. Đúng thế, Thiên Chúa làm chứng cho tôi rằng tôi tha thiết yêu mến anh em trong Trái Tim Đức Giêsu Kitô (Ph 1,3-4.7-8).

Ban hành tại Roma, cạnh đền thờ Thánh Phêrô ngày 08.12.1975, lễ trọng kính Đức Trinh Nữ Maria, Vô Nhiễm Nguyên Tội, năm thứ 13, triều đại Giáo Hoàng của Ta.

PHAOLÔ VI